**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ KHU CNC (lần 2)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHCN ngày / /2023 của Bộ KH&CN)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Ý kiến góp ý** | **Tiếp thu, giải trình** |
| **I** | **Các Bộ** |  |
| **1** | **Bộ Công an** *(Công văn số 4558/BCA-ANKT ngày 09/12/2022)* | |
| 1.1 | Ngày 01/6/2022, đồng chí Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an đã có ý kiến tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 ngày 18/5/2022, nhưng qua nghiên cứu thấy rằng nhiều ý kiến tham gia của Bộ trưởng Tô Lâm tại Văn bản trên chưa được Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo Nghị định. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo ý kiến của đồng chí Bộ trưởng Tô Lâm tại Văn bản trên. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Các ý kiến của Bộ trưởng Bộ Công an Tô Lâm tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 ngày 18/5/2022 tiếp thu, giải trình để chỉnh sửa hoàn thiện Dự thảo (Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ kèm theo) |
| 1.2 | Đối với nội dung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: đề nghị nghiên cứu các nội dung bộ Công an đã tham gia ý kiến đối với khu công nghệ cao để áp dụng tương tự đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là tiêu chí thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghiệp cao và tiêu chí cấp phép các dự án vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã rà soát, chỉnh lý các quy đinh liên quan đến tiêu chí thành lập khu nông nghiệp ứng dụng CNC và các tiêu chí đối với các loai hình dự án đầu tư hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC. |
| **2** | **Bộ Công thương** *(Công văn số 8498/BCT-KHCN ngày 30/12/2022)* | |
| 2.1 | Bộ Công thương thống nhất với kết cấu, nội dung chính củ Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao. Việc bổ sung các quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định không làm thay đổi bố cục, kết cấu chính tại bản dự thảo đã được các Bộ, ngành góp ý trước đó. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý |
| 2.2 | Tại Điều 6 Dự thảo Nghị định về điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao: Cân nhắc đưa diện tích giới hạn dưới về quy mô diện tích khu công nghệ cao để đảm bảo các khu công nghệ cao được thành lập tương xứng với quy mô, tầm vóc của một khu công nghệ cao; | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Tại điểm c khoản 3 Điều 4 Dự thảo đã có quy định “*Diện tích dự kiến xây dựng khu công nghệ cao phù hợp để triển khai nhiệm vụ khu công nghệ cao quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao (đối với khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) hoặc tại khoản 2 Điều 32 Luật Công nghệ cao (đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao)”* do đó, việc xác định diện tích khu công nghệ cao từ giai đoạn xác định phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh đã phải được tính toán cơ bản phù hợp với các nhiệm vụ của khu công nghệ cao theo yêu cầu của Luật Công nghệ cao, đồng thời sẽ được tiếp tục đánh giá ở giai đoạn thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao. Vì vậy, việc quy định giới hạn diện tích tối thiểu là không cần thiết đối với điều kiện thành lập khu CNC. |
| 2.3 | Cân nhắc bổ sung các quy định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao dựa trên các tiêu chí cụ thể (ví dụ có thể xem xét đến các yếu tố về quy mô diện tích khu công nghệ cao, phạm vi hoạt động và tính liên kết vùng của khu công nghệ cao). | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Thẩm quyền thành lập và ban hành quy chế hoạt động khu CNC đã được quy định tại… Luật CNC. Do đó, trong phạm vi Dự thảo chưa thể bổ sung các quy định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu CNC. Các nội dung vể phân cấp cho chính quyền địa phương nói trên sẽ được nghiên cứu thực hiện trong giai đoạn sửa đổi Luật CNC theo yêu cầu tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. |
| 2.4 | Tại điểm i khoản 8 Điều 43 Dự thảo Nghị định về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu CNC: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ Ban quản lý khu CNC có được thành lập tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để thực hiện việc giám sát, đánh giá các dự án đầu tư tại khu CNC thuộc thẩm quyền, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư tại khu nông nghiệp ứng dụng CNC đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hay không? | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo đã xác định khu CNC bao gồm khu CNC theo quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC (theo quy định tại Điêu 32 Luật CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC là một loại hình khu CNC); khoản 1 Điều 42 (Chức năng, địa vị pháp lý của Ban quản lý khu CNC) quy định Ban quản lý khu CNC là tổ chức được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu CNC. Do đó, Ban quản lý khu CNC được hiểu là tổ chức được thành lập đểthực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu CNC theo Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC. |
| **3** | **Bộ Giáo dục và Đào tạo** *(Công văn số 6642/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/12/2022)* | |
| 3.1 | Cơ bản nhất trí với dự thảo các nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý |
| 3.2 | Đề nghị cân nhắc việc gộp Mục 1 Chương IV “Hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao” (gồm các Điều từ 23-29) và Mục 2 Chương IV “Hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao” (gồm các Điều từ 30-35) và bỏ tiêu đề Mục 1 và Mục 2.  Lý do:  + Hầu hết nội dung trong Mục 1 và Mục 2 đều giống nhau, ngoại trừ một số nội dung khác biệt theo Điều 31 hoặc Điều 32 Luật Công nghệ cao.  + Đảm bảo mạch nhất quán không tách riêng nội dung do Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì trong toàn bộ Dự thảo Nghị định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Theo quy định tại Luật CNC, hai loại hình khu CNC (khu CNC theo quy định tại 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC) được định nghĩa và quy định các tính chất, nhiệm vụ có nhiều điểm khác biệt (ví dụ, khu CNC theo quy định tại Điều 31 *tập trung liên kết hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển CNC; ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC; sản xuất sản phẩm CNC, cung ứng dịch vụ CNC*…; khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC *tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển CNC vào lĩnh vực nông nghiệp* nhằm phát triển CNC trong nông nghiệp. Do đó, có sự khác biệt về phạm vi, tính chất và các tiêu chí, điều kiện về các hoạt động CNC giữa khu CNC theo quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC dẫn đến phải quy định riêng về hoạt động CNC trong hai loai hình khu CNC nói trên tại hai mục riêng tại Chương IV.  Quy định theo cấu trúc trên và các nội dung khác tại Dự thảo cũng đồng thời làm rõ chức năng nhiệm vụ riêng của Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT theo đúng quy định tại Luật CNC và các văn bản pháp luật liên quan. |
| 3.3 | Bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 32 thành: “c) tạo ra các sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp, thay thế sản phẩm nhập khẩu **và tăng cường sản phẩm xuất khẩu;**” | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 36 Dự thảo |
| 3.4 | Sửa khoản 4 Điều 45 thành: “Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng cơ quan **quản lý trực tiếp** đối với Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; trực tiếp quản lý và thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác quy định tại các khoản 2, 4, 10, 12 và 14 Điều 41 Nghị định này, tại Nghị định số 74/2017/NĐCP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các văn bản pháp luật có liên quan đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cho đến khi có quyết định của của cấp có thẩm quyền”. | Bộ KH&CN giải trình như sau:  Dự thảo Nghị định hiện đang thống nhất sử dụng cụm từ “cơ quan chủ quản” của Ban quản lý khu CNC để chỉ cơ quan cấp trên trực tiếp, chỉ đạo và tổ chức quản lý đối với Ban quản lý khu CNC (khoản 5 Điều 19, khoản 14 Điều 41, khoản 20 Điều 43, khoản 6 Điều 44 và khoản 4 Điều 45), trong đó đã quy định UBND cấp tỉnh là cơ quan chủ quản đối với Ban quản lý khu CNC, trừ trường hợp đối với Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc hiện đang trong giai đoạn chuyển giao về UBND thành phố Hà Nội quản lý theo chỉ đạo của Chính phủ. Vì vậy, Bộ KH&CN đề nghị được tiếp tục sử dụng cụm từ “cơ quan chủ quản” thay vì “cơ quan quản lý trực tiếp” như trên. |
| **4** | **Bộ Giao thông vận tải** *(Công văn số 2079/BGTVT-KHĐT ngày 03/03/2023)* | |
| 4.1 | Nội dung dự thảo lấy ý kiến liên quan đến trình tự, thủ tục thành lập và tổ chức hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng CNC, không có quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ GTVT. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN nghiên cứu ý kiến của Bộ NN&PTNT và các bộ, ngành có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đồng bộ với các quy định liên quan đến các khu chức năng khác (nhu khu công nghiệp, khu kinh tế tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ), phù hợp với quy định Luật CNC. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ để nghiên cứu ý kiến của các bộ, ngành có liên quan để hoàn chỉnh dự thảo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đồng bộ với các quy định liên quan đến các khu chức năng khác (các quy định tại Dự thảo có sự thống nhất với Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế) và phù hợp với các quy định tại Luật CNC. |
| **5** | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư** *(chưa có văn bản góp ý)* | |
| **6** | **Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội** *(Công văn số 396/LĐTBXH-PC ngày 16/02/2023)* | |
| 6.1 | Đối với việc thành lập, mở rộng khu CNC (từ Điều 5-9): Đề nghị kết cấu các điều trên theo trật tự điều, khoản quy định về điều kiện thành lập sau đó đến trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu CNC | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Việc quy định Điều 5 (Trình tự thủ tục thành lập, mở rộng khu CNC) trước Điều 6 (Điều kiện thành lập, mở rộng khu CNC) nhằm mục đích làm rõ các bước chuẩn bị thành lập, mở rộng khu CNC, trong đó bao gồm các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch (phương hướng xây dựng khu CNC trong quy hoạch vùng, phương án phát triển khu CNC trong quy hoạch tỉnh) đã được quy định tại Mục 1 trước khi thực hiện thủ tục đề xuất thành lập, mở rộng khu CNC. Vì vậy, đề nghị tiếp tục giữ nguyên kết cấu quy định tại Dự thảo. |
| 6.2 | Về chính sách phát triển hạ tầng xã hội phục vụ người lao động trong khu CNC, điểm b khoản 7 Điều 14: đề nghị làm rõ nội hàm “hợp đồng dài hạn” để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 20 Bộ Luật Lao động. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý, làm rõ loại “hợp đồng lao động không xác định thời hạn” để phù hợp với khoản 1 Điều 20 Bộ Luật Lao động và chỉnh sửa điểm b khoản 6 Điều 14 thành: “*Người lao động làm việc trong Ban quản lý khu công nghệ cao, chuyên gia và người lao động có hợp đồng lao động* ***không xác định thời hạn*** *~~dài hạn~~ với các nhà đầu tư tại khu công nghệ cao được ưu tiên xét mua nhà ở*”. |
| 6.3 | Về xuất cảnh, nhập cảnh, tạm trú, lưu trú trong khu CNC, khoản 2 Điều 22: Đề nghị bỏ nội dung “cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn” vì Nghị định số 152/2020/NĐ-CP không quy định cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục rút gọn. Mặt khác, dự thảo Nghị định mới chỉ nêu việc cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn mà chưa nêu cụ thể rút gọn trình tự nào và giảm bớt thành phần hồ sơ nào đối với cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu CNC. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và bỏ quy định ưu đãi về việc cấp giấy phép lao động theo trình tự thủ tục rút gọn để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (bỏ khoản 2 Điều 22).  Tuy nhiên, việc quy định cấp Giấy phép lao động theo trình tự thủ tục rút gọn đã đã được quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 87/2014/NĐ-CP quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KHC&N tại Việt Nam (hướng dẫn trình tự thủ tục tại Thông tư 24/2015/TT-BLĐTBXH); khoản 2 Điều 5 Nghị định 94/2020/NĐ-CP về chính sách đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) cũng đã có quy định chính sách tượng tự. Đây là các quy định ưu đãi rất cần thiết về thủ tục hành chính để thu hút các chuyên gia trong lĩnh vực KH&CN.  Do đó, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, nghiên cứu hướng dẫn bổ sung về trình tự thủ tục rút gọn để đảm bảo tính khả thi thực hiện và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo lĩnh vực. |
| 6.4 | Về đảo tạo nhân lực CNC (Điều 26 và Điều 33): Đề nghị bổ sung đào tạo nhân lực CNC có trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc có trình độ kỹ năng nghề vào bổ sung cơ sở giáo dục nghề nghiệp là cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao vì thực tế hiện nay đa số nhân lực làm việc trong khu CNC có trình độ lao động phổ thông. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định và giải trình như sau:  Khoản 1 Điều 30 và Điều 37 Dự thảo (Điều 26 và Điều 33 được thay đổi số thứ tự) đã quy định phạm vi hoạt động đào tạo nhân lực CNC bao gồm các loại hình đào tạo khác nhau để đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng CNC và vận hành thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm CNC… |
| 6.5 | Về nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý lao động của Ban quản lý khu CNC (điểm a khoản 12 Điều 43):  Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2624/LĐTBXH-PC ngày 11/8/2021 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về khu CNC. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục đề nghị quý Bộ nghiên cứu, xem xét sửa đổi điểm a khoản 12 Điều 43 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:  - Bộ Luật Lao động 2019, Nghị định số 145/NĐ-CP, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể các nhiệm vụ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, không quy định đối với Ban quản lý khu CNC, cụ thể:  (1) Các nhiệm vụ cụ thể của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:  + Nhận báo cáo định kỳ về cho thuê lại lao động (hồ sơ ghi rõ số lao động đã cho thuê lại, bên thuê lại lao động) của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu CNC.  + Nhận báo cáo hằng năm kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề của các doanh nghiệp trong khu CNC.  + Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của các doanh nghiệp trong khu CNC.  + Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong khu CNC.  + Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu CNC hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ dưới 90 ngày;  + Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu CNC không thuộc diện cấp giấy phép lao động;  + Cấp, cấp lại, thu hồi, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu CNC;  + Nhận thông báo của doanh nghiệp trong khu CNC về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.  Trong số 08 nhiệm vụ này thì có 05 nhiệm vụ được quy định trong Bộ luật Lao động 2019 và Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 (Luật số 69) và 03 nhiệm vụ được quy định trong Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.  (2) Các nhiệm vụ cụ thể của UBND cấp tỉnh:  + Nhận thông báo về việc cho thôi việc nhiều người lao động của các doanh nghiệp trong khu CNC;  + Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được.  + Theo quy định tại Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì việc phân cấp thực hiện theo nguyên tắc: Cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp cho cơ quan nhà nước cấp dưới. Ban quản lý khu CNC không phải là cơ quan nhà nước cấp dưới của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Do đó, đối với các nội dung đã được Bộ luật Lao động 2019, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định là trách nhiệm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thì không được phân cấp cho Ban quản lý khu CNC.  - Theo quy định tại Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Sở Lao động – Thương binh và Xã hội không thể ủy quyền cho Ban quản lý khu CNC vì không thuộc trường hợp liệt kê tại Điều 14 (đây là điểm mới của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; trước đây theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được phép ủy quyền cho Ban quản lý khu CNC).  - Theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 8 Điều 20 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì UBND cấp tỉnh có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho Ban quản lý khu CNC.  Từ những quy định nêu trên, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:  - Nhất trí với 02 nội dung UBND cấp tỉnh có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho Ban quản lý khu CNC (Nhận thông báo về việc cho thôi việc nhiều người lao động của các doanh nghiệp trong khu CNC; Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được).  - Đối với 05 nội dung mà Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật số 69 giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Nhận báo cáo định kỳ về cho thuê lại lao động (hồ sơ ghi rõ số lao động đã cho thuê lại, bên thuê lại lao động) của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu CNC; Nhận báo cáo hằng năm kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề của các doanh nghiệp trong khu CNC; Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của các doanh nghiệp trong khu CNC; Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong khu CNC; Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu CNC hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ dưới 90 ngày) đề nghị bỏ vì quy định tại Nghị định là trái với Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật số 69.  - Đối với 03 nội dung còn lại mà Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định là nhiệm vụ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, trong trường hợp cần thiết giao cho Ban quản lý khu CNC thì đề nghị quý Bộ:  + Giải trình rõ sự cần thiết giao các nhiệm vụ (hiện đang quy định cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) cho Ban quản lý khu CNC trong Tờ trình.  + Bổ sung quy định để đảm bảo sự rõ ràng trong thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý khu CNC (tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ từ người sử dụng lao động; thực hiện các trình tự, thủ tục, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước,…) giống như Sở Lao động – Thương binh và Xã hội mà đã được quy định trong Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình tiếp thu một phần ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung nội dung về thẩm quyền quản lý lao động của Ban quản lý khu CNC tại điểm a khoản 12 Điều 43, cụ thể:  Đối với các thẩm quyền liên quan đến quản lý lao động hiện đang được Ban quản lý các khu công nghệ cao thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của các cơ quan, là một trong các thủ tục hành chính “một cửa, tại chỗ”, góp phần đơn giản hóa, rút ngắn thời gian và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, là một trong các “trụ cột” thu hút đầu tư tại các khu công nghệ cao. Đồng thời, với trách nhiệm quản lý trực tiếp hoạt động trên địa bàn khu công nghệ cao, việc Ban quản lý khu công nghệ cao tham gia trực tiếp đối với các hoạt động quản lý về lao động là phù hợp để nắm bắt và xử lý các tình huống phát sinh kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Việc không tiếp tục quy định các thẩm quyền trên cho Ban quản lý khu công nghệ cao (kiến góp ý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) sẽ gây xáo trộn trong việc triển khai các thủ tục hành chính, gây khó khăn, giảm hiệu quả thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao cũng như hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Với quan điểm tiếp cận tương tự Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị quy định (tại khoản 12 Điều 47) theo hướng:  + Đối với các thẩm quyền được Bộ luật Lao động 2019 và Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 giao cho cơ quan chuyên môn trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: đề nghị quy định tại dự thảo Nghị định Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với lao động làm việc trong khu công nghệ cao; Đối với các thẩm quyền được Bộ luật Lao động 2019 giao cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: quy định Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghệ cao.  + Đối với một số thẩm quyền được giao tại các Nghị định số 145/NĐ-CP, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị định số 145/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP để giao cho Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện đối với hoạt động quản lý lao động trong khu công nghệ cao[[1]](#footnote-1).  + Quy định trách nhiệm của Ban quản lý khu công nghệ trong việc tổng hợp và báo cáo các cấp và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, để đảm bảo sự thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về lao động trên địa bàn.  + Theo đó, dự thảo Nghị định bổ sung thêm Điều 49, Điều 50 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 3 vào Điều 6, Bổ sung Điều 21a sau Điều 21); Điều 46 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 4 vào Điều 4, Bổ sung thêm khoản 5 vào Điều 31, Bổ sung khoản 4 Điều 62). Đồng thời, do các Điều trên tiếp tục sửa đổi các nội dung Nghị Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung đối với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (trong đó đã đồng thời bao gồm các quy định phù hợp với quản lý lao động của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế), nên dự thảo Nghị định bổ sung Điều 51 để bãi bỏ các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (Điều 72 và Điều 73) tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP để thống nhất áp dụng.  - Theo đó, điểm a khoản 12 Điều 47 Dự thảo được sửa đổi như sau:  *“a) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hoạt động quản lý nhà nước về lao động tại khu công nghệ cao, bao gồm: Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghệ cao; Báo cáo tình hình sử dụng lao động; Báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài; Tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động; Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể; Tiếp nhận các báo cáo, thông báo của người sử dụng lao động, gồm: báo cáo tình hình thay đổi về lao động, báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài, báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động, thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, thông báo tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm, thông báo cho thôi việc nhiều người lao động; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp, hoạt động đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày.”*  - Bổ sung thêm Điều 49 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 3 vào Điều 6, Bổ sung Điều 21a sau Điều 21); Điều 50 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 4 vào Điều 4, Bổ sung thêm khoản 5 vào Điều 31, Bổ sung khoản 4 Điều 62). Đồng thời, bãi bỏ các Điều 72 và 73 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, do các quy định tại Điều 45 và 46 đã quy định đã đồng thời bao gồm các quy định phù hợp với quản lý lao động của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. |
| 6.6 | Về cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban quản lý khu CNC (Điều 44): Đề nghị rà soát lại nội dung quy định về tổ chức, bộ máy biên chế tại Điều 44 để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Mục II Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ biên chế; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; điểm d khoản 2 Mục II Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ |  |
| **7** | **Bộ Ngoại giao** *(Công văn số 5905/BNG-THKT ngày 22/12/2022)* | |
| 7.1 | Nhất cơ bản nhất trí với việc bổ sung các nội dung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào dự thảo nghị định nội dung dự thảo nghị định về cơ bản không có vấn đề về tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên |  |
| 7.2 | Tại khoản 2 điều 31 đề nghị Bộ sửa như sau: *“Thân thiện với môi trường mức độ ô nhiễm thấp, hướng tới đạt phát thải ròng bằng 0”* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình tiếp thu một phần ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung khoản 2 Điều 35 thành: *“2. Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.”* |
| 7.3 | Tại khoản 1 điều 33 đề nghị cần nhắc bổ sung như sau: *“… nghiên cứu mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp để tăng cường tham gia các diễn đàn đa phương và tổ chức quốc tế liên quan thúc đẩy các sáng kiến và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phù hợp với lợi ích của các nước đang phát triển”.* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Các nội dung hoạt động đào tạo nhân lực CNC tại Dự thảo hiện đang được quy định bám sát các quy định tại Chương IV Luật Công nghệ cao về Nhân lực công nghệ cao. Theo đó, cùng với việc triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, hợp tác quốc tế về CNC, khu CNC (theo quy định tại việc thực hiện các hoạt động đào tạo nhân lực CNC trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC sẽ giúp xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp để tăng cường tham gia các diễn đàn đa phương và tổ chức quốc tế liên quan thúc đẩy các sáng kiến và ứng dụng CNC trong nông nghiệp phù hợp với lợi ích của các nước đang phát triển như ý kiến của Bộ Ngoại giao. |
| 7.4 | Tại khoản 2 Điều 34 và khoản 1 điều 35, nhằm tận dụng các công nghệ mới công nghệ tiên tiến chưa có trong Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định cơ chế báo cáo và xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án liên quan đến công nghệ nói trên tương tự áp dụng tại điểm b khoản 2 điều 32 | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Khác với các công nghệ được dùng trong hoạt động nghiên cứu cần ưu tiên tính mới và tiên tiến để giúp tìm ra các hướng đi mới có tính dẫn dắt nên có nhiều khả năng còn chưa được đưa vào Danh mục CNC được ưu tiên phát triển, các công nghệ sử dụng trong các hoạt động ứng dụng CNC để sản xuất sản phẩm CNC và cung ứng dịch vụ CNC thường là các CNC đã được đánh giá và đưa vào Danh mục CNC được ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, đối với trường hợp khác, tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển đã có quy định cơ chế trong trường hợp CNC không thuộc các Danh mục nhưng đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Luật CNC, có tính cấp thiết, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 2 Điều 34. |
| 7.5 | Tại khoản 3 Điều 39 đề nghị cần nhắc bổ sung nội dung *“Huy động nguồn lực quốc tế để phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp công nghệ cao”* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Các quy định về trách nhiệm đối với các hoạt động hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế của Bộ NN&PTNT quy định tại điểm c khoản 3 Điều 39 đã bao gồm nhiệm vụ huy động nguồn lực quốc tế để phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp CNC như ý kiến của Bộ Ngoại giao. Do đó, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 39. |
| **8** | **Bộ Nội vụ** *(Công văn số 6655/BNV-TCBC ngày 26/12/2022)* | |
| 8.1 | Đề nghị Bộ KH&CN tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định tại Báo cáo số 243/BCTĐ-BTP ngày 09/12/2021, theo đó khẩn trương tổng kết việc thi hành Luật CNC năm 2009 để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi Luật cho phù hợp với điều kiện hiện nay, làm cơ sở cho Chính phủ hướng dẫn thi hành. | Bộ KH&CN giải trình như sau:  Nội dung nói trên đã được Bộ KH&CN tiếp thu và triển khai thực hiện. Tại các Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước hành Nghị quyết số 54/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025, Bộ KH&CN đã được giao chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án sửa đổi Luật Công nghệ cao trình Chính phủ, Quốc hội trong giai đoạn 2022 – 2025. Hiện nay, tại các chương trình hành động của Bộ KH&CN đã quy định các nhiệm vụ liên quan đến Đề án sửa đổi Luật CNC và nhiệm vụ nói trên đang được triển khai theo tiến độ. |
| 8.2 | Tại dự thảo Nghị định đang mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao năm 2008. Tuy nhiên, quy định trong dự thảo Nghị định về thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (Chương II); chính sách phát triển khu công nghệ cao, bao gồm: chính sách đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các chính sách khác (Chương III); hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao (Chương IV) về cơ bản không có sự khác biệt giữa khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao năm 2008 và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao năm 2008. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan để làm rõ tính chất đặc thù của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trên cơ sở đó, biên tập lại Mục 2 Chương IV (Hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao) theo hướng chỉ quy định những loại hình hoạt động đặc thù của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định đối với các nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC đã được Bộ KH&CN phối hợp chặt chẽ với Bộ NN&PTNT, các nội dung quy định liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC đều được xây dựng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Bộ NN&PTNT và thảo luận để đảm bảo sự phù hợp và thống nhất trong tổng thể dự thảo Nghị định.  - Luật CNC xác định khu nông nghiệp ứng dụng CNC và khu CNC là hai loại hình khu CNC, do đó, chắc chắn về nội hàm các hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng CNC và khu CNC có nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các đặc điểm đặc trưng đối với khu nông nghiệp ứng dụng CNC (tập trung vào hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển CNC vào lĩnh vực nông nghiệp, các quy định về hoạt động CNC trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC (Mục 2 Chương IV) đã được Bộ NN&PT xây dựng có nhiều điểm khác biệt căn bản so với quy định về hoạt động CNC trong khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC (Mục 1 Chương IV), cụ thể: các loai hình hoạt động CNC (giữa Điều 28 và Điều 34); hoạt động Nghiên cứu và phát triển CNC (Điều 29) với hoạt động Nghiên cứu ứng dụng CNC (Điều 36), Dự án đầu tư ứng dụng CNC để sản xuất sản phẩm CNC (Điều 36) và Dự án đầu tư ứng dụng CNC để sản xuất sản phẩm nông nghiệp…  - Việc biên tập lại Mục 2 Chương IV theo hướng chỉ quy định những loại hình hoạt động đặc thù của khu nông nghiệp ứng dụng CNC sẽ dẫn tới việc thiếu hành lang pháp lý cho các hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng CNC.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định tại Dự thảo. |
| 8.3 | Về những quy định chung (Chương I):  Đề nghị biên tập lại Điều 1 thành 02 Điều về Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng. Trong đó, đề nghị xác định:  - Về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị định điều chỉnh về phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hoạt động tại khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.  - Về đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định bao gồm: khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao; cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, đầu tư, xây dựng, quản lý và hoạt động của khu công nghệ cao (Nghị định không áp dụng đối với khu công nghệ thông tin tập trung). | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu một phần ý kiến góp ý (sửa đổi, bổ sung Điều 1) và giải trình như sau:  - Dự thảo hiện đang quy định chung nội dung về phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng chung tại Điều 1, điều này không làm ảnh hưởng đến nội dung, tính rõ ràng và không trái với các quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT biên tập lại Điều 1, điều chỉnh khoản 1 và khoản 2 thành 02 điểm tại khoản 1 về phạm vi điều chỉnh; khoản 3 thành khoản 2 về đối tượng áp dụng.  - Dự thảo đang được quy định theo hướng xác định đối tượng áp dụng là các chủ thể tham gia các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh được quy định tại Nghị định, bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, đầu tư xây dựng, quản lý và hoạt động của khu công nghệ cao. Khu CNC theo quy định tại Điều 31 Luật CNC; khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC được xác định là phạm vi điều chỉnh của Nghị định. Do đó, đề nghị giữ nguyên nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. |
| 8.4 | Về phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (Chương II).  Tại Điều 4 dự thảo Nghị định đang quy định theo hướng phân cấp cho địa phương xây dựng và tích hợp phương án phát triển khu công nghệ cao (trong đó có nội dung về danh mục các khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong quy hoạch tỉnh. Do đó, đề nghị nghiên cứu, lượng hóa các điều kiện, tiêu chí đối với danh mục các khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định để làm cơ sở cho các địa phương hoàn thiện phương án phát triển khu công nghệ cao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Luật Quy hoạch quy định phương án phát triển khu CNC là một nội dung của quy hoạch tỉnh, do đó thẩm quyền xây dựng phương án phát triển khu CNC được xác định theo thẩm quyền lập quy hoạch tỉnh tại Luật Quy hoạch.  - Các điều kiện, tiêu chí đối với danh mục các khu CNC trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định đã được dẫn chiếu tới các quy định cụ thể về nhiệm vụ của khu CNC tại Luật CNC (khoản 2 Điều 31 và khoản 2 Điều 32), điều kiện quy định tại Điều 150 Luật Đất đai và các điều kiện về tiềm năng thu hút đầu tư, phát triển KH&CN, KT-XH…, điều kiện về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Các điều kiện, tiêu chí đã được đánh giá về sự phù hợp với giai đoạn lập phương án phát triển khu CNC trong quy hoạch tỉnh.  Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 4 Dự thảo. |
| 8.5 | Về đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao (Mục 1 Chương III):  - Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Công nghệ cao năm 2008 thì Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao gồm khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở nghiên cứu, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển khu công nghệ cao. Do đó, tại Điều 11 dự thảo Nghị định đề nghị cân nhắc không quy định về: (1) Sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển để tổ chức thực hiện việc xây dựng trung tâm hành chính - điều hành, công trình sự nghiệp của Ban quản lý khu công nghệ cao; các công trình hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao và kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ (điểm g khoản 1); (2) Ưu tiên đầu tư toàn bộ các hạng mục tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 đối với các phân khu trong khu công nghệ cao có chức năng nghiên cứu và phát triển, ươm tạo, đào tạo nhân lực công nghệ cao (điểm k khoản 1); (3) Xây dựng kế hoạch, dự toán chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để quản lý, duy tu, bảo dưỡng, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu công nghệ cao và các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác của Ban quản lý khu công nghệ cao (khoản 3) để bảo đảm thực hiện chính sách quy định tại Luật Công nghệ cao nêu trên.  - Tại khoản 2 Điều 11 đề nghị không quy định cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ quản lý, vận hành hạ tầng thông minh nằm trong hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao do không cùng tính chất với hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự trong khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Đồng thời với chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu CNC tại khoản 1 Điều 30, tại khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 30 và khoản 3 Điều 33 Luật CNC đã quy định việc *Nhà nước huy động các nguồn lực đầu tư cho hoạt động CNC, đầu tư xây dựng một số khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC; hỗ trợ xây dựng hạ tầng thông tin, giao thông, điện, nước, trụ sở điều hành, hệ thống xử lý chất thải trong khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC*.  - Khoản 1 Điều 9 Nghị định 99/2003/NĐ-CP về ban hành quy chế khu CNC quy định: *“1. Vốn ngân sách nhà nước được bố trí cho các nhiệm vụ sau: a) Lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết, công tác chuẩn bị đầu tư. b) Giải phóng mặt bằng, rà phá bom, mìn, vật liệu nổ, san lấp mặt bằng. c) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung Khu công nghệ cao, trụ sở Ban Quản lý Khu công nghệ cao. d) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đào tạo, khu nghiên cứu - phát triển công nghệ cao. đ) Xây dựng Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao.”*  Quy định trên đây là cơ sở để ngân sách nhà nước cấp cho việc đầu tư xây dựng các khu CNC trên cả nước hiện nay. Khác với các khu công nghiệp chỉ tập trung hoạt động sản xuất, khu CNC còn chủ yếu tập trung vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ươm tạo, đào tạo, cung ứng dịch vụ CNC… với mục tiêu lan tỏa phát triên CNC, phục vụ phát triển KT-XH; các dự án đầu tư vào khu CNC cũng cần đáp ứng nhiều tiêu chí CNC nên thu hút đầu tư khó khăn hơn so với khu công nghiệp. Do đó, việc phát triển các khu CNC vẫn cần có sự tham gia của ngân sách nhà nước (thực tế, nguồn vốn ngoài ngân sách cho đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chỉ thực hiện tại một số ít khu CNC).  - Về quy định cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ quản lý, vận hành hạ tầng thông minh nằm trong hệ thống kết cấu hạ tầng khu CNC: Theo quy định tại khoản 22 Điều 3 Luật Xây dựng: *“22. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật gồm công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và công trình khác”; k*hoản 1 Điều 30 Luật CNC:*“hạ tầng kỹ thuật CNC gồm…, hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển CNC”*  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định tại Điều 11. |
| 8.6 | Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (Mục 2): Căn cứ quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP) thì doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp thực hiện hoạt động chế xuất trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu kinh tế. Đồng thời, tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã có quy định riêng áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định số 35/2022/NĐ-CP) về mô hình doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao và các chính sách đối với doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao quy định tại Điều 16 và khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước đối với mô hình nêu trên. | Bộ KH&CN giải trình như sau:  - Tại văn bản góp ý lần 1 đối với Dự thảo số 6591/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 29/9/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến đề nghị không quy định nội dung về doanh nghiệp chế xuất, hoạt động chế xuất để tránh chồng chéo, trùng lắp, thiếu đồng bộ với các quy định của nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Ý kiến trên đã được Bộ KH&CN giải trình như sau:  + Thực tiễn triển khai tại các khu CNC, trong phân khu công nghiệp CNC đã có nhiều doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, cung ứng dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu và đáp ứng các quy định về điều kiện tương tự như các doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu chế xuất. Do đó việc quy định về doanh nghiệp chế xuất, hoạt động chế xuất trong khu CNC là cần thiết và đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp đầu tư.  + Tại Điều 112 Nghị định 31/2021/NĐ-CP về việc bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 về việc ban hành quy chế khu CNC cũng đã có quy định bổ sung Điều 15a về doanh nghiệp chế xuất trong khu CNC.  - Sau ý kiến giải trình nêu trên, các nội dung liên quan đến doanh nghiệp chế xuất trong khu CNC không còn có ý kiến khác tại thủ tục thẩm định và xin ý kiến thành viên Chính phủ.  Vì vậy, Bộ KH&CN đề nghị giữ nguyên quy định về doanh nghiệp chế xuất trong khu CNC. |
| 8.7 | Về hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao (Chương IV)  - Đề nghị nghiên cứu, làm rõ tại dự thảo Nghị định nội hàm một số loại hình hoạt động như: hội chợ, triển lãm, trình diễn công nghệ cao, trình diễn sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao; liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp (các loại hình nêu trên chưa được quy định cụ thể tại Luật Công nghệ cao năm 2008). Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, lượng hóa:  (1) Các tiêu chí chung đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Điều 24, Điều 31);  (2) Các tiêu chí cụ thể đối với dự án đầu tư thành lập cơ sở để thực hiện hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao (khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 33), dự án đầu tư thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (khoản 2 Điều 27), dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao (khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 34), dự án đầu tư cơ sở nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khoản 1 Điều 32). Theo đó, đề nghị trong dự thảo Nghị định không quy định thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về các tiêu chí nêu trên. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Các loại hình hoạt động như: hội chợ, triển lãm, trình diễn công nghệ cao, trình diễn sản phẩm CNC, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC; sản xuất và kinh doanh sản phẩm CNC, liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNC, sản xuất sản phẩm ứng dụng CNC trong lĩnh vực nông nghiệp… là các hoạt động CNC theo quy định tại Luật CNC được triển khai không chỉ trong phạm vi khu CNC, do đó, việc hướng dẫn cụ thể tại Dự thảo là không cần thiết.  - Dự thảo quy định tiêu chí đối với một số loại hình dự án đầu tư có liên quan đến các hoạt động CNC khi đầu tư vào khu CNC. Trong đó, đối với một số tiêu chí cụ thể được giao Bộ KH&CN hoặc Bộ NN&PTNT hướng dẫn chi tiết theo phạm vi chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước. Quy định trên là phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chức năng nhiệm vụ của Bộ KH&CN hoặc Bộ NN&PTNT. Đồng thời, đối với các tiêu chí cụ thể cần được rà soát, đánh giá và có thể phải thay đổi trong từng giai đoạn thực hiện chính sách để đảm bảo sự phfu hợp với các mục tiêu thu hút đầu tư và đảm bảo hiệu quả phát triển khu CNC. Do đó, việc quy định ở cấp độ thông tư do cơ quan bộ ban hành là phù hợp hơn so với việc quy định cụ thể taij nghị định.  Với các lý do trên, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định trên tại Dự thảo. |
| 8.8 | Về hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao (Chương IV)  - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung 01 Điều về nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao tại Mục 1 (Hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) để bảo đảm phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao tại Điều 31 Luật Công nghệ cao năm 2008 và bảo đảm tương đồng về mặt kết cấu của Mục 1 với Mục 2 (Hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao). | Bộ KH&CN giài trình như sau:  Điều 29 Dự thảo đã quy định về hoạt động nghiên cứu và phát triển CNC, theo đó hoạt động nghiên cứu ứng dụng CNC là một nội dung trong hoạt động nghiên cứu và phát triển CNC đã quy định. Do đó, không cần thiết bổ sung thêm 01 điều về nghiên cứu ứng dụng CNC. |
| 8.9 | Về quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao (Chương VI)  Về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Theo quy định tại dự thảo Nghị định thì đang có sự phân công quản lý nhà nước giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với 02 mô hình khu công nghệ cao. Do đó, để bảo đảm thống nhất trong quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao cần làm rõ nội dung quản lý và trách nhiệm của Bộ được giao giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Căn cứ các quy định của Luật CNC về việc giao các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với khu CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC; chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước được quy định tại các Nghị định số 95/2017/NĐ-CP và số 105/NĐ-CP về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT, Dự thảo đã quy định quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đối với quản lý nhà nước về khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại Điều 38 và 39 Dự thảo. |
| 8.10 | Về chức năng, địa vị pháp lý của Ban quản lý khu công nghệ cao (Điều 42): Đề nghị biên tập lại khoản 1 như sau: “*Ban quản lý khu công nghệ cao là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan*”. Đồng thời, đề nghị biên tập bổ sung nội dung quy định về vị trí của Ban quản lý khu công nghệ cao tại Điều 42 như sau: “*Ban quản lý khu công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý khu công nghệ cao; làm nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi được phân cấp, ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan*”, bảo đảm xác định rõ vị trí, chức năng của Ban quản lý khu công nghệ cao và cấp có thẩm quyền thành lập Ban trong dự thảo Nghị định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung Điều 42 Dự thảo (Chỉnh sửa lại khoản 1 theo ý kiến Bộ Nội vụ; Biên tập lại khoản 3, bổ sung thêm các quy định theo ý kiến Bộ Nội vụ). |
| 8.11 | Về cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban quản lý khu công nghệ cao (Điều 44)  - Đề nghị biên tập lại khoản 1 như sau: “*Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao gồm: bộ máy giúp việc (Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện nhiệm vụ công ích, công cộng, dịch vụ hỗ trợ đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ triển khai hoạt động công nghệ cao và các tổ chức khác phù hợp với tình hình phát triển khu công nghệ cao, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao và quy định của pháp luật*”.  - Tại khoản 2 đề nghị sửa cụm từ “*cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp*” thành “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”; đồng thời, đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Trưởng ban theo đề nghị của Trưởng ban cho phù hợp với nội dung sửa đổi về vị trí, chức năng của Ban quản lý khu công nghệ cao.  - Đề nghị xác định số lượng cấp phó của người đứng đầu Ban quản lý khu công nghệ cao (Phó Trưởng ban) không quá 03 người, bảo đảm tương quan với Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế (khoản 1 Điều 70 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP).  - Tại khoản 3 đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về tiêu chí biên chế thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao và xác định số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc Ban quản lý theo yêu cầu tại Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, bảo đảm tương quan với Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế (khoản 4 Điều 70 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP).  - Đề nghị biên tập lại khoản 4 như sau: “*Việc thành lập, tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập*”.  - Đề nghị biên tập lại khoản 5 như sau: “*Biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban quản lý khu công nghệ cao được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt*”.  - Đề nghị biên tập lại khoản 6 như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng Phó Trưởng ban của Ban quản lý khu công nghệ cao phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về khu công nghệ cao ở địa phương và quy định của pháp luật.* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung Điều 44 Dự thảo. Cụ thể: Biên tập lại các khoản 1, 2 thành khoản 1,2,3; khoản 3 thành khoản 4; khoản 4 thành khoản 5 và khoản 5 thành khoản 6; bỏ khoản 6 theo ý kiến của Bộ Nội vụ và đảm bảo sự tương đồng với cơ cấu tổ chức, biên chế của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế quy định tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP (Thực tế hiện nay, đối với thành phố Đà Nẵng, Ban Quản lý khu CNC và các khu công nghiệp Đà Nẵng đang thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu CNC Đà Nẵng và các khu công nghiệp trên địa bàn). |
| 8.12 | Về tổ chức thực hiện (Điều 47): Đề nghị bỏ quy định tại khoản 1 do quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa Điều 49 Dự thảo (bỏ khoản 1). |
| **9** | **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** *(đã có văn bản hiệp y với Bộ Khoa học và Công nghệ)* | |
| **10** | **Bộ Quốc phòng** *(Công văn số 4485/BQP-KHQS ngày 21/12/2022)* | |
| 10.1 | Nhất trí với các nội dung bổ sung tại dự thảo Nghị định và Tờ trình | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 10.2 | Để góp phần thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam tại hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp Quốc năm 2021 (COP26), tại Mục 2 (các điều 31, 32 và 34) của dự thảo đề nghị bổ sung nội dung cam kết giảm phát thải khí nhà kính, có lộ trình hướng tới đạt mức phạt thải ròng về “0” | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 35 (nguyên tắc chung đối với dự án đầu tư các loại hình hoạt động CNC trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC. |
| **11** | **Bộ Tài chính** *(Công văn số 1451/BTC-CST ngày 16/02/2023)* | |
| 11.1 | Liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về khu CNC, Bộ Tài chính đã có 02 công văn tham gia (công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021 tham gia với Bộ KHCN và gần đây nhất là Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 ngày 18/5/2022). Tại phụ lục kèm Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ, Bộ Tài chính đã tham gia 08 nội dung về dự thảo Nghị định. Qua rà soát, một số nội dung chưa được Bộ KHCN tiếp thu tại dự thảo Nghị định. Theo đó, đề nghị Bộ KHCN tiếp thu các ý kiến mà Bộ Tài chính đã tham gia tại Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Cá ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021 và tại Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 ngày 18/5/2022 đã được Bộ KH&CN nghiên cứu và tiếp thu, giải trình để hoàn thiện Dự thảo.  (Các nội dung giải trình công văn số 9267/BTC-CST được gửi tại Hồ sơ trình Chính phủ kèm theo Tờ trình số 3817/TTr – BKHCN ngày 24/12/2021 và công văn số 390/BKHCN-CNC ngày 29/4/2022 của Bộ KH&CN; các nội dung giải trình Phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 gửi kèm theo bản giải trình này). |
| 11.2 | Về căn cứ pháp lý  Đề nghị Bộ KHCN rà soát và cập nhật căn cứ pháp lý để ban hành Nghị định cho phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:  Đề nghị bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đồng thời, đến nay Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa, bổ sung tại Dự thảo |
| 11.3 | Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định thành lập, mở rộng khu CNC (Điều 8)  a) Dự thảo Nghị định chỉ quy định cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng CNC, chưa có quy định về trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng CNC (trong khi việc thành lập, mở rộng khu CNC đã có quy định đầy đủ các nội dung này). Để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện, đề nghị hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Nghị định, đồng thời, đề nghị bổ sung quy định để làm rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tương ứng với trường hợp khu nông nghiệp ứng dụng CNC thực hiện trong và ngoài khu kinh tế.  b) Tại điểm b, c khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định trình tự thủ tục thẩm định, thành lập, mở rộng khu CNC như sau:  *“b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan nhà nước có liên quan;*  *c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thẩm định và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho cơ quan chủ trì thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.”*  Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:  Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật CNC thì: *“Bộ KHCN chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, UBND, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu CNC”.* Như vậy, Bộ KHCN với vai trò là cơ quan chủ trì cũng sẽ là cơ quan thực hiện thẩm định hồ sơ thành lập khu CNC. Việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan là để phục vụ cho công tác thẩm định của Bộ KHCN nên quy định trách nhiệm thẩm định của các cơ quan như dự thảo Nghị định là chưa phù hợp.  Do vậy, đề nghị bỏ cụm từ “thẩm định” tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:  *“b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao lấy ý kiến ~~thẩm định~~ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có liên quan;*  *c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thẩm định và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến ~~thẩm định~~ bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho cơ quan chủ trì thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.”* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Công nghệ cao, việc trình Thủ tướng Chính phủ thành lập khu CNC do Bộ KH&CN phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan. Các nội dung thẩm định thành lập khu CNC không chỉ bao gồm các nội dung về KH&CN theo trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ KH&CN mà còn bao gồm các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác, như: kế hoạch đầu tư, tài chính, tài nguyên và môi trường, quy hoạch, xây dựng…). Do đó, việc quy định lấy ý kiến thẩm định của các Bộ, cơ quan liên quan là phù hợp với yêu cầu về quản lý nhà nước, đảm bảo đề xuất thành lập khu CNC đã được xem xét, đánh giá tổng thể trước khi đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  - Việc quy định tại dự thảo Nghị định trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc có ý kiến thẩm địnhđối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khu CNC là không trái với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định trên.  (Quy định tương tự tại khoản 3 Điều 32 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: *“…Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến thực hiện dự án về nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó…”*) |
| 11.4 | Đề nghị Bộ KHCN bỏ quy định tại khoản 4 Điều 10 do việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương thực hiện theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Khoản 4 Điều 10 Dự thảo đã quy định việc huy động vốn phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật.  - Thực tế tại một số khu CNC hiện nay đã được sử dụng các nguồn vốn trên đề đáp ứng nhu cầu giải phóng mặt bằng trong điều kiện khó khăn về nguồn vốn đầu tư hiện nay.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định trên. |
| 11.5 | Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước (Điều 11)  Tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định, Bộ KHCN đề xuất việc sử dụng vốn từ NSNN chi cho đầu tư phát triển để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển khu công nghệ cao, trong đó bao gồm nội dung *“b) Lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng”.* Tuy nhiên, căn cứ Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và các Nghị quyết: số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021, số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022, trong đó đã quy định cho phép sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước (NSNN) để lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Do vậy, đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu, dự thảo nội dung điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định nêu trên cho phù hợp. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Luật Quy hoạch không có quy định về việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN cho công tác lập quy hoạch. Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội có quy định giải pháp giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, cho phép *sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn* (điểm đ khoản 1 Điều 2).  - Các quy hoạch tại điểm b khoản 1 Điều 11 là “quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng” không thuộc phạm vi của Luật quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên quy định trên. |
| 11.6 | Cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Điều 13)  Tại công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ KHCN rà soát, không đưa vào dự thảo Nghị định các nội dung đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành, ví dụ liên quan đến thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước và xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng trong khu CNC đã được quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017, Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ. Tại dự thảo Nghị định kèm theo công văn số 930/BKHCN-CNC ngày 29/4/2022, Bộ KHCN tiếp tục đưa vào dự thảo Nghị định các nội dung nêu trên tại khoản 2, khoản 4 Điều 13. Do vậy, đề nghị Bộ KHCN rà soát lại các nội dung này để phù hợp với các ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021*.* | Như đã giải trình ý kiến Bộ Tài chính tại công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp tục giải trình như sau:  Dự thảo Nghị định bao gồm một số nội dung đã được quy định lại các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật an toàn, vệ sinh lao động… và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc quy định như trên là nhằm mục đích để dự thảo thể hiện được một cách hệ thống, dễ theo dõi về quản lý nhà nước trong các mặt hoạt động của khu CNC đối với nhà đầu tư, người lao động và các đối tượng có liên quan tại khu CNC.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên một số quy định nói trên tại Dự thảo, trong đó có các quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, xử lý tiền bồi thường giải phóng mặc bằng… |
| 11.7 | Ngoài ra, đề nghị Bộ KHCN rà soát, không đưa vào dự thảo Nghị định các nội dung liên quan đến việc xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng trong khu CNC đã được quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP, Nghị định số 74/2017/NĐ-CP: Theo quy định của pháp luật đất đai và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP thì trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất thì phải hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng. Quy định này là phù hợp với cơ chế ứng và hoàn vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật hiện hành | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Luật Đất đai không có quy định về tiền hoàn trả tiền bổi thường, giải phóng mặt bằng.  - Khoản 1 Điều 13 Nghị định 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao đã có quy định các trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất trong khu CNC nhưng không phải hoàn trả tiền bổi thường, giải phóng mặt bằng.  - Điều 7 Nghị định số 94/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia đã quy định Trung tâm được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê và miễn toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư.  Do đó, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ nguyên các quy định trên vì không trái với quy định về cơ chế ứng và hoàn vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng đã quy định; không trái với thẩm quyền ban hành của Nghị định theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
| 11.8 | Chính sách phát triển hạ tầng xã hội phục vụ người lao động trong khu CNC (Điều 14)  Luật CNC không có quy định phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu CNC, cũng không có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu CNC.  Tại công văn số 9267/BTC-CST, Bộ Tài chính cũng đã đề nghị Bộ KHCN làm rõ cơ sở pháp lý để đưa các nội dung này vào dự thảo Nghị định. Trường hợp đủ cơ sở pháp lý thì nội dung đưa vào Nghị định cần phải phù hợp, đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành liên quan.  Tuy nhiên, dự thảo Nghị định lần này (khoản 5, 6 Điều 14) vẫn đưa các quy định như thuê, mua nhà ở, cơ sở lưu trú phục vụ người lao động trong khu công nghệ cao, chính sách ưu đãi cho các dự án đầu tư xây dựng cơ sở dịch vụ lưu trú. Vì vậy, đề nghị Bộ KHCN làm rõ cơ sở pháp lý đưa nội dung chính sách phát triển nhà ở cho chuyên gia người lao động làm việc tại khu CNC tại dự thảo Nghị định, trường hợp đủ cơ sở pháp lý thì nội dung đưa vào Nghị định cần phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể: Đề nghị sửa lại khoản 5 Điều 14 dự thảo Nghị định như sau*: “Dự án đầu tư xây dựng cơ sở dịch vụ lưu trú (trong khu công nghệ cao) được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ~~như đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội~~ theo quy định của pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội và pháp luật có liên quan.”* để đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định tại Luật nhà ở (Luật Nhà ở đã có quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội). Và bỏ nội dung quy định tại khoản 6 Điều 14 dự thảo Nghị định: *“~~Chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống công trình hạ tầng xã hội trong khu công nghệ cao, chi phí thuê, mua, thuê mua nhà ở, cơ sở lưu trú và các dịch vụ, tiện ích công cộng cho chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ cao của nhà đầu tư trong khu công nghệ cao là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp~~”* do Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính cũng đã quy định cụ thể về khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN | Như đã giải trình ý kiến Bộ Tài chính tại công văn số 9267/BTC-CST ngày 16/8/2021 và Phiếu ý kiên thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp tục giải trình như sau:  - Khoản 1 Điều 29 Luật CNC về thu hút sử dụng nhân lực CNC đã có quy định nguyên tắc về việc Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao, bao gồm: tạo môi trường làm việc, sống thuận lợi cho hoạt động công nghệ cao…  - Tại khoản 1 Điều 16 Luật Nhà ở có quy định goi chung các khu: “*khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao”* là *“khu công nghiệp”* (đây là quy định gọi tắt, không phải quy định coi khu CNC là một loại hình khu công nghiệp). Tại khoản 5 Điều 49 Luật Nhà ở, đối tương được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội gồm *“Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp”.* Như vậy, theo Luật Nhà ở, đối tượng người lao động làm việc trong khu CNC là đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.  Vì vậy, việc Dự thảo quy định chính sách về phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu CNC thông qua chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu CNC không trái với quy định tại các Luật chuyên ngành là phù hợp.  - Ngoài ra, tại khoản 4 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế đã có quy định tương tự về chính sách ưu đãi về phát triển nhà ở trong khu công nghiệp, khu kinh tế.  *“4. Chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc mua, thuê mua, thuê nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế, công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối với khu công nghiệp, khu chức năng của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*  *5. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội và quy định khác của pháp luật có liên quan.”*  Do đó, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề xuất giữ quy định Dự thảo về ưu đãi nói trên và biên tập lại khoản 4, 5 Điều 14 theo hướng đã quy định tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP. Cụ thể như sau:  *“4. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong trong khu công nghệ cao được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội và quy định khác của pháp luật có liên quan.*  *5. Chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoặc mua, thuê mua, thuê nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghệ cao, công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối với khu công nghệ cao của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu công nghệ cao, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”* |
| 11.9 | Chính sách đối với hoạt động nghiên cứu phát triển CNC, ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC và đào tạo nhân lực CNC (Điều 15)  Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP thì đất xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực CNC theo quy định của pháp luật CNC được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê; không quy định dự án đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển CNC, cơ sở ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê. Do vậy, đề nghị Bộ KHCN rà soát lại các nội dung tại khoản 4 Điều 15 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP | Bộ KH&CN giải trình như sau:  - Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định 35/2017/NĐ-CP về quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, *“Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ cao)”* được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê;  - Theo quy định tại khoản 4 mục I phần A Phụ lục II (Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành tại Nghị định 31/2020/NĐ-CP), *“Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao”* là đối tượng ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.  Do đó, quy định tại khoản 4, Điều 15 là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP. |
| 11.10 | Quản lý quy hoạch, xây dựng (Điều 17)  Điều 28 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch như sau: *“25. Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.”*;đồng thời, pháp luật về xây dựng, Luật số 35/2018/QH14 đã quy định cụ thể thẩm quyền lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch khu chức năng. Do vậy, đề nghị Bộ KHCN tiếp tục phối hợp với Bộ Xây dựng rà soát nội dung quy định về quản lý quy hoạch, xây dựng quy định tại Điều 17 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Đối với các nội dung liên quan đến quy định về quản lý quy hoạch, xây dựng, Bộ KH&CN đã rà soát, tiếp thu nhiều ý kiến góp ý của Bộ Xây dựng tại các văn bản góp ý 3112/BXD-QHKT ngày 04/8/2021, số 1856/BXD-QHKT ngày 27/5/2022 (ý kiến thành viên Chính phủ) và số 563/BXD-QHKT ngày 20/02/2023 của Bộ Xây dựng. Theo đó, hầu hết các ý kiến của Bộ Xây dựng đã được tiếp thu để chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo. |
| 11.11 | Quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Điều 21)  Đề nghị Bộ KHCN sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 21 dự thảo Nghị định như sau*: “Nguồn kinh phí thực hiện công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật được lấy từ nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư và nguồn bù đắp, hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong giai đoạn khu công nghệ cao chưa lấp đầy và thu chưa đủ bù chi;* ***trong đó, việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước****”* và bỏ nội dung: *~~“Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, Ban quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm tổng hợp số thu tiền sử dụng hạ tầng và dự kiến số chi để đề nghị phân bổ và bố sung ngân sách tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, vận hàng, duy tu hệ thộng hết cấu hạ tầng kỹ thuật”~~.* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung khoản 5 Điều 21 Dự thảo thành:  *“5. Nguồn kinh phí thực hiện công tác quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật được lấy từ nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư và nguồn bù đắp, hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong giai đoạn khu công nghệ cao chưa lấp đầy và thu chưa đủ bù chi. Việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.”* |
| 11.12 | Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 40)  Tại khoản 2 Điều 40 dự thảo Nghị định quy định: *“Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quản lý tài chính - ngân sách; các chính sách ưu đãi đầu tư; thuế, hải quan; việc thu, sử dụng các khoản thu: tiền thuê đất; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải và các loại phí, lệ phí tại khu công nghệ cao.”*  Liên quan đến nội dung này, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngân sách hiện hành (như Luật NSNN, Luật Đầu tư công…), pháp luật thuế, phí và lệ phí, pháp luật về hải quan, pháp luật về đầu tư quy định về các đối tượng được ưu đãi về đầu tư, ưu đãi thuế, phí... đã được quy định tại Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn áp dụng thống nhất, đồng bộ trên cả nước. Luật CNC cũng không giao Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung này nên việc đưa vào dự thảo nghị định về trách nhiệm của Bộ Tài chính là chưa phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, việc thu, sử dụng các khoản thu: tiền thuê đất; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền sử dụng hạ tầng đã được quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.  Vì vậy, đề nghị Bộ KHCN bỏ nội dung giao Bộ Tài chính tại khoản 2 Điều 40 dự thảo Nghị định nêu trên, thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Luật CNC không giao Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung nêu trên, tuy nhiên, theo các văn bản pháp luật hiện hành về tài chính - ngân sách, quản lý tài sản công, đất đai, …, Bộ Tài chính có thẩm quyền và đã xây dựng trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các hướng dẫn liên quan đến hoạt động trong khu CNC về tài chính – ngân sách, quản lý tài sản công, thuế, thu tiền thuê đất, phí, lệ phí, … Các hướng dẫn liên quan đến hoạt động của khu CNC có thể tại các văn bản áp dụng chung hoặc riêng đối với một số loại hình khu chức năng. Ví dụ, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2017/NĐ-CP vê thu tiền thuê đất trong Khu kinh tế, Khu CNC và ban hành Thông tư số 89/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu CNC…  - Đối với quy định về chính sách phát triển hạ tầng xã hội phục vụ người lao động tại khoản 5 Điều 14 Dự thảo (đã được biên tập lại và giải trình theo ý kiến Bộ Tài chính), đề nghị quy định nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính như đã quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế (Điều 55 về quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đã quy định Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP), để quy định trên được hướng dẫn thực hiện đồng bộ đối với cả khu công nghiệp, khu kinh tế và khu CNC.  Vì vậy, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị giữ quy định tại khoản 2 Điều 40 và biên tập lại như sau:  *“4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định ngày và hướng dẫn thực hiện về quản lý tài chính - ngân sách; quản lý tài sản công; thuế, hải quan; việc thu, sử dụng các khoản thu: tiền thuê đất; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải và các loại phí, lệ phí tại khu công nghệ cao”* |
| 11.13 | Trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan (Điều 17, Điều 37 và Điều 40, Điều 41 dự thảo Nghị định)  Theo quy định tại Điều 24 Luật Xây dựng, khu CNC là khu chức năng đặc thù. Pháp luật về xây dựng đã quy định cụ thể trách nhiệm, trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án xây dựng khu chức năng đặc thù và quản lý quy hoạch xây dựng. Do vậy, đề nghị Bộ KHCN phối hợp với Bộ Xây dựng rà soát đảm bảo các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định liên quan đến quản lý quy hoạch xây dựng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án xây dựng khu CNC phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng. | *(Nội dung góp ý trùng với góp ý về Quản lý quy hoạch, xây dựng tại mục 11.10)* |
| **12** | **Bộ Tài nguyên và Môi trường** *(Công văn số 7772/BTNMT-KHCN ngày 20/11/2022)* | |
| 12.1 | Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 4132/BTNMT-KHCN ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Phiếu xin ý kiến thành viên Chính phủ số 155/PLYK/2022 ngày 18 tháng 5 năm 2022 cho ý kiến về Nghị định quy định về khu công nghệ cao. Việc bổ sung thêm các nội dung quy định liên quan tới khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong Nghị định quy định về Khu công nghệ cao là cần thiết và nhất quán nhằm tạo khung pháp lý thống nhất cho hoạt động của khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến. |
| 12.3 | Xem xét bỏ khoản 2 Điều 30 vì nội dung quy định tại khoản này không liên quan tới quy định của Điều 30: Điều 30 quy định về các loại hình hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong khi khoản 2 Điều này lại quy định về dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao. Nên kết hợp nội dung khoản 2 này vào quy định tại Điều 31 sẽ đảm bảo logic hơn. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung tại Dự thảo (bỏ khoản 2 các Điều 23 và 30) |
| 12.4 | Xem xét tách Điều 31. Nguyên tắc và tiêu chí đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành 2 phần rõ ràng - “*nguyên tắc*” và “*tiêu chí*”, trong đó nguyên tắc quy định chung cho dự án muốn hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; còn tiêu chí là các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng, môi trường, tài chính, nhân lực,... dự án cần phải đạt được nếu muốn hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hoặc bỏ cụm từ “*tiêu chí*” trong Điều này để thống nhất với cách đề cập tới các quy định tại Điều 31 ở các Điều 32, 33, 35 phía sau (chỉ là các nguyên tắc mà không có tiêu chí). | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung theo hướng quy định thành hai phần rõ ràng gồm “nguyên tắc” và “tiêu chí”, tương tự quy định tại Mục 1 về các nguyên tắc và tiêu chí đối với các dự án đầu tư thực hiện hoạt động CNC trong khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC. Cụ thể như sau: Bổ sung thêm khoản 5 Điều 35 quy định về việc phải đáp ứng tiêu chí tương ứng đối với mỗi loại hình dự án quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 39. |
| 12.5 | Đề nghị sửa khoản 4 Điều 40 của Dự thảo thành “*Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong khu công nghệ cao; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, giải phóng mặt bằng trong khu công nghệ cao*”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung khoản 4 Điều 40 thành: *“4. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong khu công nghệ cao; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng trong khu công nghệ cao”* |
| 12.6 | Đề nghị rà soát chỉnh sửa nhiều lỗi dấu câu, chính tả, đánh máy trong toàn bộ văn bản dự thảo. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã rà soát, chỉnh sửa tại Dự thảo. |
| **13** | **Bộ Thông tin và Truyền thông** *(Công văn số 6175/BTTTT-KHCN ngày 23/12/2022)* | |
|  | Nhất trí với các nội dung bổ sung tại dự thảo Nghị định và Tờ trình | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **14** | **Bộ Tư pháp** *(Công văn số 6642/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/12/2022)* | |
| 14.1 | Khoản 3 Điều 32 Luật CNC quy định một trong các điều kiện thành lập khu nông nghiệp ứng dụng CNC là: *“Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển nông nghiệp; Hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, đào tạo, thử nghiệm và trình diễn ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; điều kiện tự nhiên thích hợp với từng loại hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp…”.* Tuy nhiên, nội dung bổ sung về điều kiện thành lập liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại Điều 6 dự thảo Nghị định chưa thể hiện được điều kiện đặc thù của khu nông nghiệp ứng dụng CNC đã được quy định tại Điều 32 Luật CNC | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung các Điều 5, Điều 6 Dự thảo theo hướng quy định riêng điều kiện thành lập khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Điều 32 Luật CNC. Cụ thể:  Chỉnh sửa Điều 5 thành quy định điều kiện thành lập khu CNC trong đó quy định các điều kiện thành lập chung tại khoản 1 và quy định các điều kiện riêng về thành lập khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC tại khoản 2; điều kiện thành lập khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Điều 32 Luật CNC tại khoản 3. Chỉnh sửa Điều 6 thành điều kiện mở rộng khu CNC. |
| 14.2 | Điều 31 dự thảo Nghị định có tên gọi “*Nguyên tắc và tiêu chí đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”*. Tuy nhiên, nội dung Điều này không tách biệt nguyên tắc và tiêu chí. Trong khi đó, Điều 32, Điều 33, Điều 35 dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến nguyên tắc tại Điều 31 dự thảo Nghị định nên có thể rất khó áp dụng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉ quy định nguyên tắc tại Điều 31 dự thảo Nghị định; đối với trường hợp dự án trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại Điều 32, 33, 34, 35 dự thảo Nghị định thì có thể quy định tiêu chí cụ thể. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa quy định tại Điều 31 thành “*Nguyên tắc đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”,* đồng thời, bổ sung thêm thêm khoản 5 Điều 35 quy định về việc phải đáp ứng tiêu chí tương ứng đối với mỗi loại hình dự án quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 39. Theo đó, việc phải các tiêu chí tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 33, khoản 2 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 là một trong các nguyên tắc đối với dự án đầu tư. |
| 14.3 | Khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị định quy định: *“Căn cứ vào quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong từng thời kỳ, Ban quản lý khu công nghệ cao xem xét, đánh giá để cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư cung ứng dịch vụ công nghệ cao …”*. Luật Đầu tư năm 2020 quy định ba cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư là Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Quy định tại dự thảo Nghị định là chưa phù hợp với Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát chỉnh lý cho phù hợp. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020 (về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh): *“2. Đối với dự án đầu tư quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận chủ trương đầu tư”*  - Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư năm 2020 (về thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): *“1. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”.*  Các quy định trên đây là căn cứ để Dự thảo quy định thẩm quyền của Ban quản lý khu CNC trong việc cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định. |
| 14.4 | Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ NN&PTNT và các Bộ, ngành, địa phương liên quan để nghiên cứu, hoàn thiện các vấn đề liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại dự thảo Nghị định, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, tính hợp lý và tính khả thi. | Bộ KH&CN tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình như sau: thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ công văn số 583/TTg-QHĐP ngày 11/7/2022, Bộ KH&CN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ NN&PTNT trong quá trình xây dựng các nội dung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC, quá trình xin ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, ngành, địa phương để Nghị định ban hành đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, tính hợp lý và tính khả thi. |
| 14.5 | Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chinh phủ về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì việc cấp giấy phép lao động thuộc thẩm quyền của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Trong khi đó, tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định về việc Ban quản lý khu CNC được cấp Giấy phép lao động theo quy trình thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chỉnh sửa, đảm bảo tính khả thi và sự thống nhất của hệ thống pháp luật. |  |
| 14.6 | Tại khoản 2 Điều 22 có quy định việc cấp giấy phép lao động cho nhà đầu tư, chuyên gia, người lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài theo ủy quyền. Đối với đối tượng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch thì “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”. Như vậy, đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn là công dân Việt Nam thì không có quy định cấp Giấy phép lao động. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét chỉnh sửa lại thuật ngữ cho phù hợp với quy định pháp luật. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã bỏ khoản 2 Điều 22 khỏi Dự thảo. |
| 14.7 | Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản  Nghị định quy định về khu CNC đã được Bộ KH&CN lập đề nghị theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định quy định về khu CNC đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24/3/2020. Sau bước lập đề nghị, dự thảo Nghị định được Bộ KH&CN xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đã được Bộ Tư pháp thẩm định (Báo cáo thẩm định số 243/BCTĐ-BTP ngày 09/12/2021). Dự thảo Nghị định đã được thành viên Chính phủ cho ý kiến và Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo Bộ KH&CN “khẩn trương tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ, trình dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao (trong đó có quy định về trình tự, thủ tục thành lập và tổ chức hoạt động của các khu nông nghiệp ứng dụng CNC)” (mục 10.4 Phụ lục kèm theo văn bản số 583/TTg-QHĐP ngày 11/7/2022). Tuy nhiên, theo nội dung nêu tại trang 8 dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định lần 2 đối với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ NN&PTNT và các cơ quan, tổ chức liên quan hoàn thiện hồ sơ và thực hiện đúng trình tự thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 583/TTg-QHĐP ngày 11/7/2022, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đã phối hợp chặt chẽ để bổ sung các quy định về khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại Dự thảo và tiếp thu, giài trình ý kiến góp ý đề hoàn thiện Dự thảo.  - Theo rà soát của Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT, các quy định cụ thể liên quan đến đối tượng khu nông nghiệp ứng dụng CNC là nội dung lớn và mới so với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định đã được Bộ KH&CN thực hiện soạn thảo theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan.  Do đó, để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ KH&CN đã thống nhất với Bộ NN&PTNT gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định lần 2 đối với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC. |
| **15** | **Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch** *(Công văn số 5044/BVHTTDL-KHCNMT ngày 15/12/2022)* | |
|  | Sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch nhất trí với Dự thảo Nghị định do Bộ KH&CN soạn thảo. |  |
| **16** | **Bộ Xây dựng** *(Công văn số 563/BXD-QHKT ngày 20/02/2023)* | |
| 16.1 | Ngày 27/5/2022, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có ý kiến của Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao tại văn bản số 1856/BXD-QHKT (đính kèm). Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát ý kiến của Bộ trưởng Bộ Xây dựng đối với các nội dung liên quan đến khu công nghệ cao để hoàn thiện nội dung Dự thảo Nghị định. | Bộ KH&CN giải trình như sau:  Các nội dung ý kiến thành viên Chính phủ của Bộ Xây dựng tại văn bản số 1856/BXD-QHKT ngày 27/5/2022 đã được Bộ KH&CN nghiên cứu, tiếp thu, giải trình (Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phù kèm theo). Nhiều nội dung Dự thảo xin ý kiến đã được chỉnh sửa theo ý kiến Bộ Xây dựng tại văn bản số 1856/BXD-QHKT. |
| 16.2 | Điều 24, Điều 25 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 đã quy định về trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng và các cấp độ quy hoạch xây dựng khu chức năng, bao gồm cả khu công nghệ cao. Do đó, đề nghị không quy định thêm về trách nhiệm, thẩm quyền và cấp độ quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao tại dự thảo Nghị định để tránh mâu thuẫn, trùng lặp với quy định pháp luật về xây dựng hiện hành. Theo đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa Điều 17 của dự thảo Nghị định như sau:  “*1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh và quyết định thành lập khu công nghệ cao của Thủ tướng Chính phủ. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng*.  *2.* *Các khu vực xây dựng công trình tập trung trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc đô thị, khu chức năng đã có quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì lập quy hoạch phân khu xây dựng làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết xây dựng; việc lập quy hoạch phân khu xây dựng không cần lập nhiệm vụ.*  *Các khu vực xây dựng công trình tập trung đã được xác định trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khi thực hiện đầu tư xây dựng thì lập quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch cấp trên và làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng; việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng không cần lập nhiệm vụ.*  *3. Việc đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghệ cao thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, đầu tư và các pháp luật khác có liên quan.”.* | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã biên tập lại Điều 17 Dự thảo theo các nội dung góp ý (Đề nghị giữ lại khoản 4 Điều 17 để thống nhất với các nội dung quy định tại các Điều 18, 19, 20). Cụ thể:  ***“Điều 17. Quản lý quy hoạch, xây dựng***  *1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh và quyết định thành lập khu công nghệ cao của Thủ tướng Chính phủ. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng.*  *2. Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao được phê duyệt là cơ sở để tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng; tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghệ cao sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; tổ chức lập hồ sơ và chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư.*  *3. Khi lập quy hoạch phân khu xây dựng trong khu công nghệ cao thuộc khu vực có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ cao tại khu vực có trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ.*  *4. Việc đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghệ cao thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, đầu tư và các pháp luật khác có liên quan.*  *5. Ban quản lý khu công nghệ cao phối hợp với các cơ quan chuyên môn về quy hoạch, xây dựng và ủy ban nhân dân các cấp để tổ chức quản lý các hoạt động quy hoạch; đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quy hoạch, xây dựng trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.”* |
| 16.3 | Tại Khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định có quy định việc tổ chức, quy mô diện tích, vị trí, tính chất của **từng phân khu** được xác định trong quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu). Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa lại theo hướng **quy mô diện tích và tính chất của từng phân khu** cần phải được xác định rõ trong phương án phát triển khu công nghệ cao (khoản 3 Điều 4 dự thảo);quy hoạch xây dựng của khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có nhiệm vụ **tổ chức không gian toàn khu, xác định vị trí từng phân khu** và xác định các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng nhằm đáp ứng hoạt động của khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo yêu cầu của Luật công nghệ cao, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chuyển nội dung quy định tại khoản 2 Điều 17 vào điểm d khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 7 về nội dung Đề án thành lập, mở rộng khu CNC. |
| 16.4 | Căn cứ quy định về chức năng nhiệm vụ của Bộ Xây dựng tại Nghị định số 52/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ, đề nghị chỉnh sửa khoản 5 Điều 40 của dự thảo Nghị định như sau: “Bộ Xây dựng ban hành quy định hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng; phát triển, quản lý vận hành, khai thác sử dụng, bàn giao hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; các hoạt động xây dựng công trình trong khu công nghệ cao; | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 40 về chức năng nhiệm vụ của Bộ Xây dựng. |
| 16.5 | Theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, việc tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng thuộc nhiệm vụ của UBND các cấp; UBND cấp tỉnh được phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện, BQL khu công nghệ cao tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng. Do đó, đề nghị chỉnh sửa điểm a khoản 6 Điều 43 về trách nhiệm của Ban quản lý Khu công nghệ cao chỉ thực hiện *“Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các phân khu chức năng đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích trên 500 héc ta đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt; quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng; thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng”* khi được cơ quan có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền theo quy định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung quy định tại điểm a khoản 6 Điều 43 Dự thảo. |
| 16.6 | Đối với dự thảo Tờ trình  - Đề nghị bổ sung làm rõ các nội dung dự kiến đề xuất bổ sung tại dự thảo Nghị định và nêu rõ cơ sở đề xuất các quy định và đánh giá tác động việc đề xuất các quy định này.  - Đề nghị rà soát, bổ sung rõ các quy định liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo quy định đầy đủ nội dung liên quan đến các nhóm chính sách về đầu tư xây dựng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các nhóm chính sách khác. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và bổ sung thêm các nội dung tại Tờ trình về cơ sở đề xuất các quy định liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC.  - Đối với việc đánh giá tác động của các đề xuất, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đã dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách bổ sung đối với các nội dung chính sách quy định liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC.  - Về đề nghị bổ sung rõ các quy định liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC, đảm bảo quy định đầy đủ nội dung liên quan đến các nhóm chính sách về đầu tư xây dựng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển khu nông nghiệp ứng dụng CNC và các nhóm chính sách khác: Tại khoản 1 Điều 1 đã quy định khu công nghệ cao tại Dự thảo bao gồm khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Điều 32 Luật CNC, do đó, các nhóm chính sách liên quan đến đầu tư, xây dựng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư thực hiện chung đối với hai loại hình khu CNC (theo các tiêu chí riêng đối với từng loại hình khu đã quy định tại Chương II và Chương IV). |
| **17** | **Bộ Y tế** *(chưa có văn bản góp ý)* | |
| **II** | **Các địa phương** | |
| **1** | **An Giang** | |
| 1.1 | Về căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp thứ tự theo thời gian ban hành văn bản. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không có quy định phải sắp xếp các căn cứ ban hành theo thứ tự thời gian ban hành văn bản, do đó Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT sắp xếp cơ bản theo mức độ liên quan của các quy định của văn bản căn cứ tới Dự thảo. |
| 1.2 | Tại điểm b khoản 2 Điều 16, đề nghị điều chỉnh “Bản ban cam kết về …” thành “Bản cam kết về …”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý đã chỉnh sửa tại Dự thảo |
| 1.3 | Tại điểm b khoản 4 Điều 22, đề xuất điều chỉnh “thời gian ít hơn 30 ngày” thành “thời gian không quá 30 ngày”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Dự thảo Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT |
| **2** | **Bà Rịa – Vũng Tàu** | |
| **3** | **Bắc Giang** |  |
|  | Nhất trí với nội dung và bố cục của dự thảo Tờ trình, Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **4** | **Bắc Kạn** |  |
|  | Nhất trí với nội dung Dự thảo Tờ trình; Dự thảo Nghị định quy định về Khu công nghệ cao, không có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **5** | **Bạc Liêu** | |
| **6** | **Bắc Ninh** | |
| 6.1 | Cơ bản nhất trí với các nội dung trong Dự thảo Tờ trình và Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 6.2 | Tại Khoản 2 Điều 31: ***Nguyên tắc và tiêu chí đối với Dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông ngiệp ứng dụng CNC***, Mục 2: **Hoạt động CNC trong khu NN ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC**  Đề nghị nghiên cứu, làm rõ hoặc bỏ cụm từ ***“mức độ ô nhiễm thấp”*** đây là khái niệm rất chung, khó xác định và đề nghị bổ sung ***“đảm bảo quy định của nhà nước về môi trường”***. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu một phần ý kiến góp ý, bỏ cụm từ “mức độ ô nhiễm thấp”; việc quy định “đảm bảo quy định của nhà nước về môi trường” là không cần thiết do đây là quy định đương nhiên đối với các dự án đầu tư. |
| 6.3 | Tại Khoản 2 Điều 34: ***Dự án đầu tư ứng dụng CNC để sản xuất sản phẩm nông nghiệp,*** Mục 2: **Hoạt động CNC trong khu NN ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC:**  Đề nghị ngiên cứu, bỏ Điểm c “Hệ thống quản lý chất lượng đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành” vì nhiều dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao là các nhà đầu tư trong nước và kết quả nghiên cứu ở trong nước được ứng dụng do vậy khi áp tiêu chí này thì một số dự án khi tham gia, triển khai ứng dụng khó phù hợp với thực hiện | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Để đạt mục tiêu ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển CNC vào lĩnh vực nông nghiệp, việc các hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế là cần thiết để đảm bảo việc triển khai hiệu quả, thành công. |
| **7** | **Bến Tre** | |
|  | Cơ bản thống nhất với nội dung các Dự thảo | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **8** | **Bình Định** | |
| **9** | **Bình Dương** | |
|  | Cơ bản thống nhất đối với các nội dung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại dự thảo Nghị định quy định về khu CNC | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **10** | **Bình Phước** | |
|  | Thống nhất với thể thức và các nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong dự thảo Nghị định, Tờ trình quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **11** | **Bình Thuận** | |
|  | Thống nhất với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao |  |
| **12** | **Cà Mau** | |
| 12.1 | Thống nhất với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 12.2 | Để tránh việc đầu tư, phát triển các khu công nghệ cao dàn trải và trùng lắp trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố, tại Điều 3 dự thảo Nghị định nêu trên cần quy định thêm ở mỗi tỉnh chỉ được quy hoạch và phát triển tập trung 01 khu công nghệ cao và 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, còn ở thành phố trực thuộc Trung ương chỉ được quy hoạch và phát triển tập trung tối đa 02 khu công nghệ cao và 02 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Việc quy hoạch phát triển các khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC đã được Luật Quy hoạch quy định phương hướng xây dựng khu CNC và phương án phát triển khu CNC tại quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, theo đó, việc xác định số lượng, quy mô các khu CNC được đánh giá trong quá trình lập quy hoạch theo Luật Quy hoạch và một số quy định tại Dự thảo. Do đó, không cần thiết phải quy định việc giới hạn số lượng tại Dự thảo. |
| **13** | **Cần Thơ** | |
|  | Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **14** | **Cao Bằng** | |
| **15** | **Đà Nẵng** | |
|  | Thống nhất đối với các nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **16** | **Đắk Lắk** | |
| 16.1 | Thống nhất về bố cục và nội dung Dự thảo Nghị định. |  |
| 16.2 | Tại **“Điều 7. Hồ sơ thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao”** cần bổ sung các biểu mẫu hướng dẫn cụ thể các mục bắt buộc phải có… | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Thủ tục thành lập, mở rộng khu CNC được thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, không có liên quan đến các tổ chức, cá nhân khác. Do đó về hồ sơ thành lập, mở rộng khu CNC, ngoài hướng dẫn các nội dung của Đề án thành lập, mở rộng khu CNC, các văn bản khác như tờ trình, quyết định… thực hiện theo quy định về văn bản hành chính. Do đó, không cần thiết phải quy định các biểu mẫu. |
| 16.3 | Tại **“Điều 12. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao”** cần bổ sung về Nhà nước hỗ trợ ban đầu các hệ thống xử lý môi trường, cơ sở vật chất khác | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Điểm e khoản 1 Điều 11 Dự thảo đã quy định ngân sách nhà nước bố trí cho việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu CNC; khoản 2 Điều 11 Dự thảo đã quy định hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu CNC bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Do đó, |
| **17** | **Đắk Nông** | |
| **18** | **Điện Biên** | |
|  | Nhất trí với nội dung dự thảo Tờ và dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **19** | **Đồng Nai** | |
|  | Về dự thảo Tờ trình Nghị định quy định về khu công nghệ cao: Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo.  Về dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao: Có ý kiến góp ý (đính kèm văn bản góp ý) của Ban quản lý khu công nghệ sinh học Đồng Nai. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **20** | **Đồng Tháp** | |
| **21** | **Gia Lai** | |
| **22** | **Hà Giang** | |
|  | Nhất trí với các nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng CNC tại dự thảo Nghị định quy định về Khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **23** | **Hà Nam** | |
| **24** | **Hà Nội** | |
| 24.1 | Cơ bản thống nhất với các nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định về khu CNC của Chính phủ. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 24.2 | Tại Điều 7 (Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu CNC): Đề nghị làm rõ việc thẩm định hồ sơ thành lập được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiêt xây dựng hay trước khi phê duyệt các quy hoạch này. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Tại khoản 2 Điều 9 Dự thảo đã quy định: *“**Quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao là căn cứ để tổ chức triển khai quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao và kế hoạch đầu tư phát triển khu công nghệ cao”* |
| 24.3 | Tại Điều 12 -14 (Mục 2: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư): Cần viện dẫn đầy đủ điều khoản liên quan đến các chính sách ưu đãi về thuế tại các luật đầu tư, thuế, đất đai… tương ứng (để tránh tình trạng không triển khai được các chính sách ưu đãi do quy định “theo quy định của pháp luật” nhưng lại chưa có quy định của pháp luật. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với khu CNC hiện nay đã được quy định cụ thể tại các văn bản pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai… Tuy nhiên, tại Dự thảo tiếp tục quy định lại một số ưu đãi để đảm bảo tính tổng thể, dễ theo dõi đối với nhà đầu tư, người lao động và các đối tượng có liên quan tại khu CNC khi thu hút đầu tư. |
| 24.4 | Tại khoản 1 Điều 30 quy định về loại hình hoạt động CNC trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm loại hình hoạt động *“thu hút nguồn đầu tư, nhân lực công nghệ cao trong nước và ngoài nước thực hiện hoạt động ứng dụng CNC trong nông nghiệp”*  Lý do: Cần trích dẫn đủ các nhiệm vụ của khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật CNC | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Điều 34 (Điều 30 sau khi thay đổi số thứ tự) thuộc Chương IV về Hoạt động CNC trong khu CNC, do đó không phù hợp để quy định loại hình hoạt động *“thu hút đầu tư, nhân lực công nghệ cao trong nước và ngoài nước thực hiện hoạt động ứng dụng CNC trong nông nghiệp”*  Thực tế, các chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thủ tục hành chính… được quy định tại Dự thảo nhằm mục đích thu hút đầu tư và nhân lực CNC  Ngoài ra, các quy định tại Dự thảo đã được căn cứ từ các quy định về nhiệm vụ của khu nông nghiệp ứng dụng CNC, đồng thời đã trích dẫn khoản 2 Điều 32 Luật CNC tại các nội dung cần thiết. |
| **25** | **Hà Tĩnh** | |
| 25.1 | Thống nhất với bố cục và nội dung Dự thảo Nghị định do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 25.2 | Tại Điều 1 Dự thảo, đề nghị nên quy định rõ 2 nội dung: “1. Phạm vi điều chỉnh” và “2. Đối tượng áp dụng” (trong đó: Phạm vi điều chỉnh bao gồm Khoản 1, 2 Điều 1 Dự thảo); | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa Điều 1 thành hai khoản riêng biệt về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. |
| 25.3 | Tại Điều 2 Dự thảo, đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ “Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC là một loại hình khu CNC, Điều 2 Dự thảo đã có giải thích chung về khu CNC, trong các trường hợp cần thiết phải quy định cụ thể được dẫn chiếu theo quy định tại Điều 32 Luật CNC. Do đó, không cần thiết bổ sung giải thích từ ngữ về khu nông nghiệp ứng dụng CNC. |
| 25.4 | Tại Điều 20, Mục 3 Chương III quy định về quản lý bảo vệ môi trường, lao động, an toàn, vệ sinh lao động và chữa cháy, an ninh trật tự… cơ bản các nội dung này là công tác quản lý, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét có nên đưa vào mục chính sách khác | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Phạm vi Dự thảo quy định về quản lý khu CNC trên các mặt hoạt động, do đó việc đưa các quy định về quản lý bảo vệ môi trường, lao động, an toàn, vệ sinh lao động và chữa cháy, an ninh trật tự… là cần thiết để đảm bảo đầy đầy đủ đối với hoạt động của khu CNC. |
| **26** | **Hải Dương** | |
| **27** | **Hải Phòng** | |
| 27.1 | Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định về khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 27.2 | Tại Điều 7: Đề nghị bổ sung trình tự, thủ tục, hồ sơ thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao trong trường hợp khu công nghệ cao chưa nằm trong quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Một trong các điều kiện thành lập khu CNC là sự phù hợp với quy hoạch tỉnh (trong trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt, thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển khu CNC do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Đây là điều kiện để đảm bảo sự phù hợp của việc thành lập khu CNC với định hướng phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của vùng, địa phương… Do đó, không quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thẩm định thành lập, mở rộng khu CNC trong trường hợp khu công nghệ cao chưa nằm trong quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch tổng thể phát triển khu CNC. |
| 27.3 | Tại Điều 42 khoản 1: Đề nghị làm rõ cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xin nhất trí với các dự thảo văn bản trên bao gồm những cơ quan nào | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Dự thảo “cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu CNC trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” thành “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” |
| **28** | **Hậu Giang** | |
| **29** | **Hòa Bình** | |
|  | Nhất trí với dự thảo: Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao; Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **30** | **Hưng Yên** | |
| 30.1 | Đối với dự thảo Tờ trình  Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày các điểm theo thứ tự bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và rà soát lại việc trình bày các điểm theo thứ tự chính xác.giải trình như sau: |
| 30.2 | Tại phần căn cứ ban hành văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo tách căn cứ thứ 1, căn cứ thứ 7 và căn cứ thứ 10 (từ trên xuống) thành các căn cứ riêng biệt cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Các căn cứ thứ 1 và thứ 7 không tách các văn bản thành các hàng riêng biệt do các văn bản xếp sau là văn bản điều chỉnh, bổ sung văn bản đứng đầu hàng, theo đó, một hàng dù gồm nhiều hơn một văn bản căn cứ nhưng có ý nghĩa là một căn cứ theo văn bản đứng đầu hàng. |
| 30.3 | Tại điểm a khoản 2 Điều 33, sửa cụm từ *“..., thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước gia hoạt động đào tạo nhân lực ...”* *thành “..., thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước tham gia hoạt động đào tạo nhân lực ...”*; | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo. |
|  | Tại khoản 1 Điều 35, bổ sung cụm từ *“và công nghệ được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nghiên cứu ứng dụng của dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 32 của Nghị định này”* vào sau cụm từ “... Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Khoản 1 Điều 35 quy định: *“1. Dự án đầu tư cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc quy định tại Điều 35 Nghị định này, đồng thời dịch vụ công nghệ cao được cung ứng phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.*  Căn cứ quy định tại Luật CNC, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, các Danh mục trên là căn cứ để xác định công nghệ và sản phẩm tại dự án đầu tư, Ban quản lý khu CNC là cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư dự án, Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận công nghệ được nghiên cứu ứng dụng tại dự án đầu tư trong khu CNC.  Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 1 Điều 35. |
| **31** | **Khánh Hòa** | |
| **32** | **Kiên Giang** | |
|  | Theo khoản 3 Điều 2 dự thảo có nêu: *“Tỉ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao cho thuê theo kế hoạch phân khu được phê duyệt”* đề nghị chỉnh sửa như sau *“Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất/ mặt nước biển nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất/ mặt nước biển được quy hoạch để giao cho thuê theo quy hoạch phân khu được phê duyệt”* do Kiên Giang là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển về kinh tế biển trong đó có nuôi biển để việc vận dụng nghị định quy định khu công nghệ cao vào thực tiễn khi ban hành chính thức để nghỉ Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét bổ sung khu công nghệ cao trên biển để phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý. Cụ thể:  Luật Đất đai năm 2013 và dự thảo Luật Đất đai sửa đổi đều có quy định về các loại đất có mặt nước: đất có mặt nước ven biển; đất có mặt nước chuyên dùng; đất có mặt nước hồ, ao, đầm; đất sông, suối…  Do đó, để đảm bảo tính thực tiễn đối với quy định về tỷ lệ lấp đầy khu CNC trong trường hợp diện tích giao đất bao gồm cả diện tích đất có mặt nước (ví dụ đất có mặt nước ven biển như đối với tỉnh Kiên Giang), Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đề nghị bổ sung giải thích “bao gồm cả đất có mặt nước) tại khoản 3 Điều 2 như sau:  *“Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất* ***(bao gồm cả đất có mặt nước)*** *nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu được phê duyệt”* |
| **33** | **Kon Tum** | |
| 33.1 | Thống nhất với dự thảo Tờ trình | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 33.2 | Đối với dự thảo Nghị định:  - Tại điểm c, khoản 1, Điều 6, dự thảo Nghị định quy định về Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao có quy định: “có quy mô diện tích và tính khả thi về sử dụng đất, điều kiện tự nhiên thích hợp; vị trí thuận lợi về giao thông và liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao”.  Ý kiến tham gia: Dự thảo Nghị định không xác định quy mô diện tích cụ thể cho khu công nghệ cao nói chung và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nói riêng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về quy mô diện tích đối với khu công nghệ cao nói chung và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở triển khai thực hiện | Tại điểm c khoản 3 Điều 4 Dự thảo đã có quy định “*Diện tích dự kiến xây dựng khu công nghệ cao phù hợp để triển khai nhiệm vụ khu công nghệ cao quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao (đối với khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) hoặc tại khoản 2 Điều 32 Luật Công nghệ cao (đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao)”* do đó, việc xác định diện tích khu công nghệ cao từ giai đoạn xác định phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh đã phải được tính toán cơ bản phù hợp với các nhiệm vụ của khu công nghệ cao theo yêu cầu của Luật Công nghệ cao, đồng thời sẽ được tiếp tục đánh giá ở giai đoạn thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao. Vì vậy, việc quy định giới hạn diện tích tối thiểu là không cần thiết đối với điều kiện thành lập khu CNC.  Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Việc xác định diện tích khu công nghệ cao từ giai đoạn xác định phương án phát triển khu CNC trong quy hoạch tỉnh đã phải được tính toán cơ bản phù hợp với các nhiệm vụ của khu CNC theo yêu cầu của Luật Công nghệ cao, đồng thời là một nội dung tại Đề án (giải trình đáp ứng các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5). Theo đó diện tích khu CNC phải *phù hợp để triển khai nhiệm vụ khu công nghệ cao quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao (đối với khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) hoặc tại khoản 2 Điều 32 Luật Công nghệ cao (đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao)”*.  Do đó, quy mô diện tích cụ thể của khu CNC sẽ được xác định cụ thể theo mục tiêu triển khai khu CNC và không phù hợp để quy định thêm ngoài các quy định đã có tại Dự thảo. |
| **34** | **Lai Châu** | |
|  | Nhất trí với bố cục, thể thức, nội dung dự thảo Nghị định Quy định về khu công nghệ cao và không có ý kiến tham gia thêm | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **35** | **Lâm Đồng** | |
| **36** | **Lạng Sơn** | |
|  | Nhất trí với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **37** | **Lào Cai** | |
|  | Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **38** | **Long An** | |
|  | Thống nhất với các nội dung Dự thảo | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **39** | **Nam Định** | |
|  | Nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo Tờ trình và Nghị định quy định về khu Công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **40** | **Nghệ An** | |
| 40.1 | Cơ bản thống nhất với các nội dung trong dự thảo nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 40.2 | Căn cứ vào dự thảo Nghị định tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét chỉnh sửa bổ sung các nội dung sau đối với các dự thảo tờ trình dự thảo nghị định đề nghị bổ sung vào mục sự cần thiết ban hành nghị định quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của thủ tướng chính phủ về việc thành lập khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ và bổ sung kết quả đánh giá hiện trạng hoạt động của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong cả nước trong thời gian qua về hiệu quả và tồn tại, đặc biệt là xác định được nguyên nhân thực sự dẫn đến tồn tại, yếu kém của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong cả nước đồng thời gian qua để làm nổi bật đến sự cần thiết phải ban hành Nghị định này | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Quyết định 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu lâm nghiệp ứng dụng CNC vùng Bắc Trung Bộ không có nội dung quy định cụ thể xác định Khu lâm nghiệp ứng dụng CNC vùng Bắc Trung Bộ là khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Luật Công nghệ cao. Các phân khu được xác định tại Quyết định 509/QĐ-TTg cũng chưa thể hiện sự tương đồng với các nhiệm vụ của khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật CNC, chưa làm rõ hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC mà chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất. Do đó, dự thảo Tờ trình không đưa Khu lâm nghiệp ứng dụng CNC vùng Bắc Trung Bộ vào danh sách các khu nông nghiệp ứng dụng CNC đã thành lập.  - Về việc bổ sung kết quả đánh giá hiện trạng hoạt động của các khu nông nghiệp ứng dụng CNC trong cả nước trong thời gian qua về hiệu quả và tồn tại, nguyên nhân dẫn đến tồn tại, yếu kém của các khu nông nghiệp ứng dụng CNC trong cả nước, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã được bổ sung tại phần… dự thảo Tờ trình. |
| 40.3 | Rà soát lỗi chính tả sai sót tài khoản 2 điều 21 dự thảo nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến và đã |
| **41** | **Ninh Bình** | |
| 41.1 | Cơ bản nhất trí với nội dung, bố cục dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 41.2 | Trong Nghị định, cần quy định rõ hơn và phải định lượng được khu công nghệ cao với diện tích, quy mô cụ thể để quy định thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp nào như: Thủ tướng Chính phủ, các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các cấp | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Diện tích, quy mô cụ thể của khu CNC là một nội dung tại Đề án (giải trình đáp ứng các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5). Sau khi được thẩm định các nội dung thành lập khu CNC sẽ được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm căn cứ triển khai. |
| 41.3 | Bổ sung thêm phần quy định cho người nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động trong khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: tại khoản 2 Điều 1 Dự thảo đã quy định đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm: *“cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, đầu tư xây dựng, quản lý và hoạt động của khu CNC”*. Do đó, người nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại khu CNC theo các quy định chung tại Dự thảo và pháp luật liên quan. |
| 41.4 | Ưu tiên tối đa cho ngành nghề phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhất là đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều đất, ưu đãi thuế, các chính sách tài chính, vấn đề thu hút trí tuệ, chất xám và chế độ đãi ngộ để họ cống hiến cho khoa học nông nghiệp. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Dự thảo và các quy định của pháp luật có liên quan đã quy đinh các chính sách ưu đãi, trong đó có các ưu đãi về đất đai, cơ sở hạ tầng do nhà nước đầu tư, thuế… và các điều kiện hạ tầng nhằm thu hút các doanh nghiệp ứng dụng CNC, nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại khu CNC. |
| 41.5 | Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trong dự thảo Nghị định (tại Điều 44, Chương VII), đề nghị làm rõ hơn một số nội dung về số lượng Phó trưởng ban, Phó trưởng phòng và biên chế tối thiểu thành lập Ban, phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý khu công nghệ cao để có cơ sở, căn cứ xác 2 định biên chế xây dựng cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghệ cao trong Đề án thành lập, tổ chức lại trình cấp có thẩm quyền quyết định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa, bổ sung tại Dự thảo |
| 41.6 | Đề nghị chỉnh sửa một số lỗi kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản cho đúng quy định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Dự thảo |
| **42** | **Ninh Thuận** | |
| 42.1 | Đối với nội dung quy định về Ban quản lý khu công nghệ cao tại Chương VII dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung nội dung quy định về cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý khu công nghệ cao; mô hình tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao (tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp,…) để làm cơ sở bố trí nhân sự phù hợp | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa, bổ sung tại Điều 44 Dự thảo về cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban quản lý khu CNC |
| 42.2 | Số, ký hiệu và ngày, tháng, năm ban hành: đề nghị hiệu chỉnh để phù hợp với thời điểm trình Chính phủ ban hành. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Dự thảo |
| 42.3 | Căn cứ pháp lý: Tại căn cứ thứ 1, 7: đề nghị trình bày sau mỗi căn cứ phải xuống dòng để đúng với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 01 của Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Các căn cứ thứ 1 và thứ 7 không tách các văn bản thành các hàng riêng biệt do các văn bản xếp sau là văn bản điều chỉnh, bổ sung văn bản đứng đầu hàng, theo đó, một hàng dù gồm nhiều hơn một văn bản căn cứ nhưng có ý nghĩa là một căn cứ theo văn bản đứng đầu hàng. |
| 42.4 | Tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định: đề nghị hiệu chỉnh “Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2022.” cho phù hợp thời điểm có hiệu lực | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Dự thảo |
| **403** | **Phú Thọ** | |
|  | Nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **44** | **Phú Yên** | |
| **45** | **Quảng Bình** | |
| 45.1 | Cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 45.2 | Tại tiêu đề Điều 31 *“Nguyên tắc và tiêu chí đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”* và tại tiêu đề khoản 2 điều 34 *“2. dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc và tiêu chí quy định tại điều 31 nghị định này còn phải đáp ứng các tiêu chí sau:”* đề nghị bỏ cụm từ “và tiêu chí” Lý do nội dung quy định trong Điều 31 chỉ đề cập đến các nguyên tắc còn các tiêu chí được đề cập tại nội dung Điều 32, 33, 34, 35 của dự thảo nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa tại Điều 35 quy định nguyên tắc đối với dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng CNC, trong đó bổ sung khoản 5 dẫn chiếu đến các Điều 36, 37, 38, 39 có nội dung quy định về tiêu chí. |
| **46** | **Quảng Nam** | |
| **47** | **Quảng Ngãi** | |
|  | Thống nhất các nội dung của dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **48** | **Quảng Ninh** | |
|  | Thống nhất với các nội dung trong dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **49** | **Quảng Trị** | |
|  | Thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **50** | **Sóc Trăng** | |
|  | Thống nhất đối với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **51** | **Sơn La** | |
| **52** | **Tây Ninh** | |
|  | Thống nhất với các nội dung bổ sung liên quan đến khu NNUDCNC tại dự thảo Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **53** | **Thái Bình** | |
|  | Nhất trí với các nội dung bổ sung liên quan đến khu NNUDCNC tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **54** | **Thái Nguyên** | |
| **55** | **Thanh Hóa** |  |
| 55.1 | Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng nêu trên | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 53.2 | Điểm b, Khoản 1, Điều 8, đề nghị sửa đổi: *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan nhà có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao* |  |
| 55.3 | Khoản 2, Điều 31, đề nghị làm rõ tiêu chí/khái niệm về “mức độ ô nhiễm thấp”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa khoản 2 Điều 35 thành *“2. Áp dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; có cam kết giảm phát thải khí nhà kính, có lộ trình hướng tới đạt mức phạt thải ròng về “0”* |
| 55.4 | Điều 35, đề nghị nghiên cứu bổ sung các hoạt động hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo thống nhất với các loại hình hoạt động tại Khoản 1, Điều 30 của dự thảo Nghị định | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Điều 35 quy định về cung cấp dịch vụ CNC, yêu cầu các dịch vụ CNC được cung ứng phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Do đó không quy định bổ sung các hoạt động hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC. |
| **56** | **Thừa Thiên Huế** | |
| 56.1 | Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định |  |
| 56.2 | Tại khoản 4 Điều 12 đề nghị điều chỉnh tên của các chương trình từ “Chương trình hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; Chương trình hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp” thành “Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” (theo Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030) | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Việc quy định tên các chương trình tại Dự thảo nhằm quy định chung, chứ không chỉ quy định đối với các Chương trình theo theo Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 |
| 56.3 | Tại khoản 1 Điều 30 đề nghị bổ sung 01 loại hình hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Triển khai các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Việc triển khai các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc một trong các loại hình dự án quy định tại các Điều 36, 38, 39 Dự thảo. |
| 56.4 | Tại khoản 2 Điều 32 đề nghị điều chỉnh 01 tiêu chí đối với dự án đầu tư cơ sở nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao tại khu nông nghiệp công nghệ cao: “Tạo ra các sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp, thay thế sản phẩm nhập khẩu” thành “Tạo ra các sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp, thay thế sản phẩm nhập khẩu hoặc tạo ra công nghệ phát huy được lợi thế, khắc phục hạn chế về điều kiện tự nhiên, thời tiết, các kịch bản biến đổi khí hậu và phòng, trừ dịch bệnh”. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 |
| **57** | **Tiền Giang** | |
| **58** | **TP.Hồ Chí Minh** | |
| **59** | **Trà Vinh** | |
|  | Thống nhất nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **60** | **Tuyên Quang** | |
| **61** | **Vĩnh Long** | |
| **62** | **Vĩnh Phúc** | |
|  | Nhất trí với dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **63** | **Yên Bái** | |
| 63.1 | Đề Nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa trình bày theo đúng mẫu tờ trình được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 63.2 | Tại trang 2, đoạn in nghiêng đậm "... Từ đó đến nay, 05 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ thành lập ..." đề nghị lược bỏ cum từ "Từ đó" thành "... Đến nay, 05 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ thành lập ...". | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến và sửa tại dự thảo Tờ trình. |
| **III** | **BQL các khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC** |  |
| **1** | **BQL Khu CNC Hòa Lạc** | |
| **2** | **BQL Khu CNC thành phố Hồ Chí Minh** | |
|  | - Dự thảo nghị định về khu công nghệ cao có quy định bao gồm khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là phù hợp và cần thiết nhằm đảm bảo pháp lý cho hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao  - Về chính sách hoạt động công nghệ cao trong khu nông nghiệp công nghệ cao Ban quản lý không có ý kiến | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **3** | **BQL Khu CNC và các Khu công nghiệp Đà Nẵng** | |
| **4** | **BQL Khu CNC công nghệ sinh học Đồng Nai** | |
| 4.1 | Điểm e khoản 1 điều 11 đề nghị bổ sung sửa đổi thành *“Đối với các công trình cấp điện nước viễn thông các doanh nghiệp về cấp điện, nước, viễn thông có trách nhiệm thực hiện đầu tư”*  Để phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế. Cụ thể:  - Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022-2025, chỉ một số địa phương có công ty cấp nước thuộc loại hình doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu (doanh nghiệp do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ); còn lại hầu hết các địa phương (trong đó có Đồng Nai), các công ty cấp nước thuộc loại hình công ty cổ phần (Nhà nước chỉ nắm cổ phần chi phối hoặc không chi phối).  - Trên thực tế tại Khu CNC công nghệ sinh học Đồng Nai, theo dự kiến hệ thống cấp nước do doanh nghiệp không có vốn Nhà nước làm chủ đầu tư | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu một phần ý kiến góp ý và chỉnh sửa bỏ nội dung trên tại điểm e khoản 1 Điều 11 Dự thảo. |
| 4.2 | Khoản 2 điều 21 đề nghị sửa đổi bổ sung thành “*Chủ đầu tư hạ tầng có thể bàn giao lại các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu tư cho Ban quản lý khu công nghệ cao hoặc các doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ về cấp điện nước viễn thông để quản lý khai thác vận hành duy tu nhằm đảm bảo sự đồng bộ của toàn hệ thống”*  Lý do: Điều 88 Luật Doanh nghiệp không có khái niệm “Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu”, do đó đề nghị sửa đổi để đảm bảo sự thống nhất về khái niệm giữa các văn bản. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý, cụ thể:  Chỉnh sửa cụm từ “doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu” thành “doanh nghiệp nhà nước” để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. |
| 4.3 | Khoản 3 điều 21 đề nghị sửa thành “*Các doanh nghiệp về cấp điện nước viễn thông tổ chức quản lý khai thác vận hành duy tu đối với các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật điện nước viễn thông do mình đầu tư và được chủ đầu tư hạ tầng bàn giao lại tài khoản 2 Điều này*”  Lý do: Đề phù hợp với sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 11 và việc Chủ đầu tư hạ tầng bàn giao các công trình kết cấu kỹ thuật được quy định tại khoản 2 Điều 21 | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý, cụ thể:  Chỉnh sửa cụm từ “doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu” thành “doanh nghiệp nhà nước” để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. |
| 4.4 | Điểm b khoản 11 điều 43 đề nghị sở Thành “*Phối hợp với các doanh nghiệp về cấp điện nước viễn thông Chủ đầu tư hạ tầng và các tổ chức cơ quan liên quan để đảm bảo quản lý vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ cao hiệu quả và kết nối đồng bộ với hệ thống kỹ thuật trên địa bàn xung quanh”*  Lý do: Đề phù hợp với sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 11 | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý, cụ thể:  Chỉnh sửa cụm từ “doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu” thành “doanh nghiệp nhà nước” để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. |
| 4.5 | Điều 39 đề nghị xử thành “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại điều 32 Luật Công nghệ cao như sau:”*  Lý do: Đoạn mở đầu Điều 38 Nghị định quy định: “Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật CNC như sau: …” Do đó, đề nghị bổ sung cụm từ *“theo quy định tại điều 32 Luật Công nghệ cao”*  trong đoạn mở đầu Điều 39 để đảm bảo tính thống nhất của Nghị định. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và đã bổ sung tại Điều 39 Dự thảo |
| 4.6 | Đề nghị bổ sung vào điều 39:  “*Hướng dẫn đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan cho ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”*  *“Đề xuất nội dung xúc tiến đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp tham gia ý kiến về danh mục dự án thu hút đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”*  *“Phối hợp với bộ xây dựng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công thương và các Bộ, cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện phân cấp, ủy quyền cho ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.*  *Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan kiểm tra, thanh tra việc đầu tư xây dựng, phát triển và hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”*  Lý do: Theo dự thảo Nghị định, Bộ KH&CN có quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu CNC theo quy định tại Điều 31 Luật CNC; Bộ NN&PTNT có quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu nông nghiệp ứng dụng CNC theo quy định tại Điều 32 Luật CNC; do đó cần bổ sung để đảm bảo tính toàn diện về quyền hạn và trách nhiệm của Bộ NN&PTNT đối với khu nông nghiệp ứng dụng CNC. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung các quyền hạn và trách nhiệm của Bộ NN&PTNT tại khoản 3 và bổ sung thêm khoản 4 vào Điều 39 Dự thảo. |
| 4.7 | Rà soát lỗi chính tả tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 15 Điều 43 | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh sửa tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 15 Điều 43 |
| **5** | **BQL Khu Nông nghiệp ứng dụng CNC Hậu Giang** | |
| 5.1 | Xem xét bổ sung phạm vi và đối tượng áp dụng có cụm từ quy định cho Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào Điều 2. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Tại Điều 1 Dự thảo đã quy định đối tượng áp dụng bao gồm “các cơ quan quản lý nhà nước” do đó, bao gồm Ban quản lý khu CNC. |
| 5.2 | Giải thích từ ngữ “Ban quản lý Khu công nghệ cao bao gồm: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” hoặc bổ sung cụm từ quy định cho “Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” vào sau cụm từ “Ban Quản lý Khu công nghệ cao” vào nội dung dự thảo Nghị định Khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  Tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo đã quy định *“… khu CNC, bao gồm: khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Điều 32 Luật CNC*”. Do đó, Ban quản lý khu CNC thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu CNC quy định tại Điều 31 Luật CNC và khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy định tại Điều 32 Luật CNC. Theo đó, mô hình Ban quản lý khu CNC được tổ chức để phù hợp với đặc điểm từng địa phương. |
| **6** | **BQL Khu Nông nghiệp ứng dụng CNC Phú Yên** | |
|  | Thống nhất với nội dung dự thảo | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **7** | **BQL Khu Nông nghiệp ứng dụng CNC phát triển tôm Bạc Liêu** | |
| 7.1 | Cơ bản thống nhất với các nội dung bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định về khu CNC | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| 7.2 | Trong dự thảo Nghị định chỉ đề cập đến Ban quản lý khu CNC, không có Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng CNC, vì vậy khó khăn trong thực hiện các nhiệm vụ. Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng CNC phát triển tôm Bạc Liêu có ý kiến sau:  Điều 2 giải thích từ ngữ đề nghị bổ sung thêm khoản 2 gồm các từ ngữ như sau:  *“2. Ban quản lý khu công nghệ cao gồm: Ban quản lý khu công nghệ cao và Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”*; sửa khoản 2 tại điều 2 thành khoản 3; khoản 3 điều 2 thành khoản 4; Hoặc bổ sung cụm từ quy định cho Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng CNC vào sau cụm từ Ban quản lý |  |
| 7.3 | Điểm c khoản 3 điều 7 đề nghị bỏ chữ d phía trước cụm từ dự kiến phương hướng phát triển đối với khu vực đề xuất mở rộng | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến góp ý đã chỉnh sửa lỗi soạn thảo nói trên tại khoản 3 Điều 7. |
| **8** | **BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh** *(chưa có văn bản góp ý)* | |
| **9** | **BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên** | |
|  | Thống nhất với nội dung bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến |
| **IV** | **Các tổ chức, cá nhân khác** | |
| **1** | **Công ty TNHH Pacific Land Việt Nam (chủ đầu tư của Dự án xây dựng hạ tầng Khu CNC sinh học Hà Nội)** | |
|  | **Quy định về cơ chế quản lý đất đai và cơ sở hạ tầng trong khu công nghệ cao (“khu CNC”) tại Dự thảo đang mâu thuẫn với Luật Đất đai và Luật Đầu tư hiện hành**  Theo điểm b, c khoản 4 Điều 18 và khoản 3 Điều 13 của Dự thảo (trích dẫn dưới đây), Chủ đầu tư hạ tầng khu CNC được “*bàn giao đất*” để thực hiện việc chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi để cho thuê. Sau khi hoàn thành chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, Chủ đầu tư hạ tầng phải “*bàn giao lại đất*” cho Ban quản lý khu công nghệ cao. Sau đó, Ban quản lý khu công nghệ cao sẽ “*trực tiếp giao lại đất, cho thuê đất đối với các diện tích đất trên cho các nhà đầu tư thứ cấp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu công nghệ”*. Như vậy, Chủ đầu tư hạ tầng **không có quyền sử dụng đất hay quyền cho thuê lại đất có hạ tầng do họ đầu tư** mà chỉ được phép kinh doanh cho thuê lại kết cấu hạ tầng và các công trình nhà xưởng, văn phòng, kho bãi do họ đầu tư xây dựng.  **Điều 18, khoản 4, điểm b và c (về Quản lý đất đai) của Dự thảo quy định**:  *“b. Đối với phần diện tích phục vụ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong phạm vi khu vực dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng (không bao gồm diện tích đất quy định tại điểm a khoản này), căn cứ tiến độ đầu tư xây dựng các hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kế hoạch thu hút đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao bàn giao đất cho Chủ đầu tư hạ tầng thực hiện việc chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi để cho thuê. Sau khi hoàn thành chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi Chủ đầu tư hạ tầng bàn giao lại đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao;*  *c. Nhà đầu tư dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh được Ban quản lý khu công nghệ cao trực tiếp giao lại đất, cho thuê đất đối với diện tích đất quy định tại điểm b khoản này. Nhà đầu tư có trách nhiệm trả cho Chủ đầu tư hạ tầng chi phí chuẩn bị mặt bằng (nếu có), tiền sử dụng hạ tầng được quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định này và các khoản tiền khác theo quy định.*  **Điều 13 khoản 3 về cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tại Dự thảo** chỉ cho phép *“Chủ đầu tư hạ tầng được cho thuê hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, công trình nhà xưởng, văn phòng, kho bãi cho các nhà đầu tư sử dụng đất trong phạm vi dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và được thu của nhà đầu tư tiền sử dụng hạ tầng được quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định này, chi phí chuẩn bị mặt bằng (nếu có), tiền thuê hoặc mua nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và các khoản tiền khác theo quy định (nếu có)”*.  Trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp lý hiện hành, chúng tôi nhận thấy rằng các điều khoản trên của Dự thảo có một số điểm chưa phù hợp với định hướng, quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương, Luật Đầu tư, và Luật Đất đai. Cụ thể là:  **i) Mâu thuẫn với định hướng về quản lý đất đai tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương.** Cụ thể, tại mục2.6 Phần IV về Nhiệm vụ, Giải pháp của Nghị quyết số 18-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương có chỉ đạo: *“Đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai; có chính sách khuyến khích phát triển thị trường quyền sử dụng đất, nhất là thị trường cho thuê đất nông nghiệp”.* Việc “thương mại hóa quyền sử dụng đất” đồng nghĩa với việc coi quyền sử dụng đất là một loại hàng hóa đặc biệt được giao dịch trên thị trường (trong đó có việc cho thuê lại). Như vậy, Dự thảo quy định theo hướng chỉ Nhà nước mới được quyền cho thuê đất và Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao không có quyền sử dụng đất cũng như không có quyền cho thuê lại đất là trái với định hướng chỉ đạo trên.  **ii) Mâu thuẫn với Luật Đất đai.** Theo quy định tại khoản 5 Điều 150 Luật Đất đai, *“doanh nghiệp phát triển khu công nghệ cao, doanh nghiệp phát triển hạ tầng được Ban quản lý khu công nghệ cao cho thuê đất; người có nhu cầu sử dụng đất trong khu công nghệ cao được thuê lại đất của doanh nghiệp phát triển khu công nghệ cao, doanh nghiệp phát triển hạ tầng”*.  **iii) Mâu thuẫn với quy định của pháp luật về đầu tư.** Theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư, Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế được thực hiện các hoạt động sau: (i) *“định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật”*, (ii) *chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất và cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản”*.  Cơ chế quản lý đất đai như quy định trong Dự thảo sẽ không khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu CNC vì họ không có quyền sử dụng khu đất, và do vậy, không có quyền chuyển nhượng, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng đất – là những giá trị vô cùng quan trọng đối với nhà đầu tư nhằm đảm bảo thành công của dự án đầu tư. Không có quyền sử dụng đất cũng đồng nghĩa với việc dự án đầu tư của họ không được đảm bảo | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT tiếp thu một phần ý kiến góp ý:  - Các quy định về chế độ sử dụng đất trong khu CNC quy định tại khoản 3 Điều 18 Dự thảo được xác định đối với các mô hình khu CNC phổ biến hiện nay, được nhà nước đầu tư toàn bộ hoặc một phần ngân sách cho giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Chủ đầu tư hạ tầng tại khoản 3 Điều 18 chỉ tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật một phần, không đầu tư toàn bộ đối với khu CNC (Bộ KH&CN đã chỉnh sửa khoản 3 Điều 18 để làm rõ nội dung này). Đối với mô hình nói trên, các quy định về chế độ sử dụng đất tại khoản 3 Điều 18 Dự thảo là phù hợp với định hướng phát triển CNC giúp các dự án đầu tư (thứ cấp) được nhà nước trực tiếp cho thuê đất nên được hưởng các ưu đãi về đất đai theo mức độ đáp ứng của dự án, đồng thời, giúp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong công tác kiểm soát việc đáp ứng các tiêu chí CNC của các dự án đầu tư và khu CNC phát triển đúng định hướng, đảm bảo hiệu quả đầu tư của ngân sách nhà nước.  3 trong 4 khu CNC trên cả nước hiện đã được thành lập được đầu tư hoàn toàn từ ngân sách nhà nước, duy nhất Khu CNC Hòa Lạc thu hút một phần vốn doanh nghiệp tham gia đầu tư hạ tầng và đã được quy định chế độ sự dụng đất như trên tại Nghị định số 74/2017/NĐ-CP.  Do đó, quy định trên là phù hợp với chủ trương của nhà nước về phát triển CNC phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và không trái với định hướng về quản lý đất đai, Luật Đất đai…  - Đối với trường hợp khu CNC do Chủ đầu tư hạ tầng thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, không có sự tham gia của ngân sách nhà nước được xác định là trường hợp đầu tư kinh doanh hạ tầng theo quy định tại khoản 5 Điều 150 Luật Đất đai, do đó cần được quy định bổ sung tại Dự thảo (tương tự đối với quy định tại Điều 61 Nghị định 31/2021/NĐ-CP).  Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đã bổ sung các Điều 23, 24, 25, 26 để quy định cụ thể các nội dung và phân biệt rõ ràng đối với hai đối tượng Chủ đầu tư hạ tầng nêu trên và bổ sung thêm các quy định liên quan đến quản lý đất đai, đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật… tại các Điều 18, 19, 21 Dự thảo. |
|  | **Quy định về cơ chế xử lý chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng như trong Dự thảo không khuyến khích và tạo điều kiện cho Chủ đầu tư hạ tầng ứng trước chi phí này, không khuyến khích các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào khu CNC, thiếu tính khả thi, và không phù hợp với Luật Đất đai, Luật Đầu tư**  - Khoản 2 Điều 13 Dự thảo quy định: *“Trường hợp Chủ đầu tư hạ tầng tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với diện tích đất tại khoản này thì được tính toán số tiền đã ứng vào chi phí đầu tư dự án”*.  Quy định này không thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai, đặc biệt là trong trường hợp Chủ Đầu tư hạ tầng được thuê đất để thực hiện dự án. Cụ thể, theo khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt thì: *“Đối với trường hợp thuộc đối tượng thuê đất không thông qua hình thức đấu giá và người được Nhà nước cho thuê đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền thuê đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp. Đối với số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng còn lại chưa được trừ vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có) thì được tính vào vốn đầu tư của dự án*”.  - Khoản 4 Điều 13 Dự thảo quy định: *“Trường hợp Chủ đầu tư hạ tầng ứng trước tiền để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất Nhà nước trực tiếp cho nhà đầu tư thuê quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18 Nghị định này, nhà đầu tư có trách nhiệm trả cho Chủ đầu tư hạ tầng số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mà Chủ đầu tư hạ tầng đã ứng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được khấu trừ vào tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp cho Nhà nước”.*  Theo cơ chế này thì chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án khu CNC được chuyển từ Chủ đầu tư hạ tầng sang cho các nhà đầu tư thứ cấp, và Nhà nước không có trách nhiệm nào đối với chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng. Cơ chế này sẽ không khuyến khích các Chủ đầu tư hạ tầng từ khu vực tư nhân ứng tiền cho công tác giải phóng mặt bằng do họ sẽ không nhận được lợi ích nào trong việc này, thậm chí sẽ bị thiệt hại lớn vì kinh phí ứng ra không được cấn trừ vào các nghĩa vụ tài chính của họ đối với Nhà nước. Đồng thời, cơ chế này cũng không khuyến khích các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu CNC, do họ phải chịu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án – là những chi phí mà theo các quy định của Luật Đất đai và Luật Đầu tư là do Nhà nước chịu trách nhiệm.  Bên cạnh đó, việc xác định chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đối với từng nhà đầu tư và từng khu đất được đầu tư cũng rất khó khăn, do có sự chênh lệch về chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng giữa các khu vực khác nhau và vào các thời điểm khác nhau. Vì vậy, cơ chế này khó có thể khả thi trên thực tế. | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Luật Đất đai và Luật Đầu tư không có quy định về việc hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, do đó, các quy định tại Dự thảo không trái với quy định của Luật Đất đai và Luật Đầu tư.  - Ngoài ra, cơ chế xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả trên được quy định đối với khu CNC do ngân sách nhà nước đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (theo cơ chế quy định tại khoản 3 Điều 18 Dự thảo) và đã triển khai tại Khu CNC Hòa Lạc theo quy định tại Nghị định số 74/2017/NĐ-CP thuận lợi và không có vướng mắc gì. Cơ chế xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả không quy định đối với khu CNC ngân sách nhà nước không tham gia đầu tư hạ tầng kỹ thuật nên không xảy ra khó khăn hoặc không khả thi như ý kiến góp ý.  - Hiện nay, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT đã bổ sung các Điều 23, 24, 25, 26 để quy định cụ thể các nội dung và phân biệt rõ ràng đối với hai đối tượng Chủ đầu tư hạ tầng nêu trên và bổ sung thêm các quy định liên quan đến quản lý đất đai, đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật… tại các Điều 18, 19, 21 Dự thảo. Theo đó, quy định về cơ chế xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả nói trên đã được quy định áp dụng đối với trường hợp khu CNC được ngân sách nhà nước đầu tư một phần hạ tầng kỹ thuật tại khoản 3 Điều 18 Dự thảo. |
|  | **Quy định về việc xác định giá cho thuê mặt bằng trong khu công nghệ cao không thống nhất với quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư**  Điều 21.8 của Dự thảo quy định “*Chủ đầu tư hạ tầng định giá tiền sử dụng hạ tầng; chi phí chuẩn bị mặt bằng; giá cho thuê công trình nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và các loại phí dịch vụ khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở đăng ký và được sự chấp thuận của Ban quản lý khu công nghệ cao về khung giá và các loại phí.*”  Điều này là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 61 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư. Theo đó, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao có quyền/trách nhiệm *“****định giá*** *cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;* ***các loại phí*** *sử dụng hạ tầng; giá cho thuê, giá bán nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và các loại phí dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và* ***đăng ký*** *với Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế về khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng”*, mà không cần phải có sự chấp thuận của ban quản lý | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Việc quy định Chủ đầu tư hạ tầng đăng ký các khoản giá, phí và được sự chấp thuận của Ban quản lý khu CNC là cấn thiết và phù hợp với trường hợp Ban quản lý khu CNC thực hiện cho thuê đất trực tiếp đối với nhà đầu tư thứ cấp, tổ chức duy tu, vận hành một số công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư.  - Đồng thời, việc quy định khác với Nghị định số 31/2021/NĐ-CP nhưng không trái với quy định tại các Luật là không vi phạm pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.  - Hiện nay, khi đã bổ sung thêm quy định về trường hợp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu CNC không có sự tham gia của ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 18), quy định để làm rõ cơ chế đăng ký và được chấp thuận nói trên áp dụng đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 18 sẽ được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 21.  Đối với khu CNC ngân sách nhà nước không tham gia đầu tư hạ tầng kỹ thuật thực hiện đăng ký các khoản giá, phí trên với Ban quản lý khu CNC theo quy định. |
|  | **Cơ chế lựa chọn nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghệ cao chưa hợp lý và chưa thống nhất với quy định của Luật Đầu tư**  Điều 19.1 của Dự thảo quy định: “*Ban quản lý khu công nghệ cao là cơ quan đăng ký đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy chế lựa chọn nhà đầu tư do Trưởng ban Ban quản lý khu công nghệ cao ban hành trên cơ sở lựa chọn áp dụng các điều, khoản của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan*”.  Theo quy định trên thì tất cả các dự án trong khu công nghệ cao sẽ đều phải lựa chọn nhà đầu tư theo quy chế đấu thầu. Điều này là không thống nhất với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư 2020 về Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư; theo đó, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao không phải thực hiện thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.  Ngoài ra, Ban quản lý khu công nghệ cao chỉ nên thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các nhà đầu tư thứ cấp dựa trên các quy định pháp luật. Dựa trên các tiêu chí về các nhà đầu tư thứ cấp được quy định trong Luật Công nghệ cao và Nghị định này cũng như các văn bản pháp luật về đầu tư, việc lựa chọn nhà đầu tư nên là trách nhiệm của Chủ Đầu tư dự án công nghệ cao để đảm bảo sự thành công của dự án | Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau:  - Quy định tại khoản 1 Điều 19 theo trường hợp cần thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 7 Điều 29 Nghị định 31/2021/NĐ-CP mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ. Quy định trên không được hiểu là tất cả các dự án đầu tư trong khu CNC phải thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo cơ chế đấu thầu.  - Về ý kiến “việc lựa chọn nhà đầu tư nên là trách nhiệm của Chủ Đầu tư dự án CNC”, Bộ KH&CN và Bộ NN&PTNT giải trình như sau: Căn cứ quy định của Luật CNC, Dự thảo đã quy định các nguyên tắc và tiêu chí đối với một số loai hinh dự án đầu tư hoạt động CNC đầu tư vào khu CNC, theo đó, việc Ban quản lý khu CNC, cơ quan đăng ký đầu tư tại khu CNC (theo quy định tại Luật Đầu tư) thực hiện đánh giá đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí khi dự án đầu tư vào khu công nghệ cao là phù hợp với nhiệm vụ quản lý nhà nước và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Dự thảo và đảm bảo định hướng phát triển của khu công nghệ cao.  Dự thảo đã bổ sung quy định về việc đánh giá đáp ứng các tiêu chí đối với trường hợp dự án đầu tư không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Điều 26 Dự thảo. |

1. So với dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị bỏ quy định đối với nhiệm vụ tiếp nhận báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được. (Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định người sử dụng lao động báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp tỉnh để được chấp thuận). [↑](#footnote-ref-1)